



chính phụ ngâm

nguyên tác: ĐẶNG TRẦN CÔN

diễn nôm: ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Chinh phụ ngâm • Nguyên tác
Đặng Trần Côn • Diễn Nôm
Đoàn Thị Điểm • Midway Press

chính phụ ngâm

nguyên tác: ĐẶNG TRẦN CÔN

diễn nô: ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Giới thiệu:

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

• Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm

Từ khi còn học Trung học hoặc Cao đẳng tiểu học (thời Pháp thuộc), chúng ta đều có học các bản danh văn xưa, trong ấy có *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*, *Hoa tiên*, v.v...

Các giai phẩm trên thường được học thuộc lòng và được dẫn giải tường tận, chẳng những học sinh đều thuộc, mà ngoài dân gian các bậc thích văn chương cũng thường ngâm vịnh lúc thư nhàn... Thời nhân có khi chỉ thích nghe lời đẹp văn hay, ý tưởng cao nhã đậm đà chớ cũng chẳng biết cái giai phẩm tuyệt đỉnh kia viết vào thời nào và tác giả là ai? Riêng *Chinh Phụ Ngâm* thì người ta chỉ biết tác giả là bà Đoàn thị Điểm, một nữ sĩ đại tài, bậc mây râu ít người sánh kịp và áng văn nôm của Bà thật là thâm thúy diệu tuyệt. Và đã có bao thế hệ tôn sùng nữ thi hào họ Đoàn cùng giai phẩm bất hủ của Bà... Nhưng nay có nhà phê bình, có học giả lại bày ra cái “nghi án Chinh phụ ngâm” và cho rằng Đoàn phu nhân không phải là người viết

ra những khúc văn nôm diễm lệ mà số đông ta đã thường thuộc nằm lòng! Họ Đoàn khi sinh thời đã có một đời sống không mấy hạnh phúc, đến nay chết đã bao năm mà nếu hồn còn phảng phất ở thế gian có lẽ còn phải đau khổ về cái “ngghi án Chinh phụ ngâm” do những hậu bối của Bà nêu ra vào những năm gần đây... Vậy ta cần xét lại cho thật rõ ràng và minh bạch cái án văn chương quan trọng này; và cũng nên biết qua hoàn cảnh nào đã tạo ra áng văn tuyệt tác mà có nhà phê bình đã cho là không kém gì *Truyện Kiều*?

Chinh phụ ngâm viết trong trường hợp nào và tác giả là ai?

Tuy các tiền nhân ta trước kia thường đã thấm nhuần văn hóa Trung quốc và các tác phẩm giá trị thường viết bằng Hán văn, cũng như ở Tây phương, cho đến thế kỷ 16, 17 mà một số tác phẩm văn học, triết học và khoa học còn viết bằng tiếng La-tinh¹. Tuy nhiên ở Việt Nam vẫn có ngôn ngữ riêng, và có lẽ đến thế kỷ VIII đã có chữ Nôm, đến thế kỷ XIII đã

⁽¹⁾ Copernic (Ba-lan: 1473-1543): *De revolutionibus orbium coelestium* (1507-1530). Descartes (Pháp: 1596-1650): *Compendium musicae* (1618). *Regulae ad Directionem Ingenii* (1628), *Meditationes de prima philosophia* (1641-1642), *Principia philosophiae* (1644). Galilee (Ý: 1564-1642): *Sidereus Nuncius* (1610). Newton (Anh: 1642-1727): *Methodus fluxionum* (1669-1676). *Philosophiae naturalis principia mathematica* (1687), *Opticks* (1704), *Arithmetica Universalis* (1707)...

có văn phẩm viết bằng chữ Nôm². Riêng về phần Thơ, thì trước khi chịu ảnh hưởng Thơ Trung Quốc, Thơ Việt Nam đã có mấy chục thế kỷ Ca dao, một điệu Lục bát đã trứ tình lại rất giàu về nhạc điệu. Khi gặp thơ Trung Quốc, các thi sĩ nước ta đã thử du nhập Thơ Đường Luật, như đã thử dung hòa hai loại Thơ Việt Hoa (như Hàn Thuyên, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Trãi...). Trong khi thực nghiệm thì xuất hiện một nữ thiên tài: Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm. Bà đã sáng tác thể thơ “song thất lục bát” đọc lên thấy nhiều nhạc tính hơn. Bà lại thêm vào đây những vần “Liên hoàn”... Với nữ sĩ họ Đoàn, ta đã bước vào thế kỷ 18...

Thế kỷ XVIII, đã qua đời nhà Hậu Lê, trong nước sanh nhiều biến cố nhiều nhượng, ly loạn. Các ông vua hậu duệ của Thái Tổ Lê Lợi và vị minh quân Lê Thánh Tông, sau hơn 300 năm kế vị tổ tiên, đã không theo được tiết tháo và tài năng, đức độ của cha ông. Đa số các vị vua cuối triều Hậu Lê đều bất tài, thất đức, hoang dâm và lười biếng, khiến cho nhân dân đồ thán, giặc cướp tứ tung; kết quả là Vua Chúa dành quyền nhau, Họ Lê Họ Mạc chia làm Nam triều Bắc triều; đến lúc Trịnh Tùng lấy lại được Thăng Long, lại xảy ra biến cố Trịnh Nguyễn phân tranh hai cõi... Nhưng loạn lạc nhất có lẽ là đời vua Lê Thuần Tông, niên hiệu Long Đức (1732-1735). Thuần Tông trước đã được lập

⁽²⁾ Xem Dương-quảng Hàm: *Việt Nam Văn học sử yếu*, Bưu Cầm Chữ Nôm (Sài Gòn, 1972?); Đào Duy Anh: *Chữ Nôm* (Hà Nội, 1975).

làm Thái tử, sau Trịnh Cương phế bỏ, để lập Lê Duy Phương (1729-1732). Được ba năm, Trịnh Giang lại bỏ Duy Phương, đưa Thuần Tông lên lại ngôi vua (1732). Trịnh Giang là một chúa xa hoa, tàn bạo và hoang dâm vô độ, không lo việc nước; giặc cướp nổi lên khắp nơi, tàn phá dân gian. Các quan bèn họp nhau truất Giang, đưa em là Trịnh Doanh (1740-1767) lên ngôi Chúa để đánh dẹp giặc cướp và lập lại trật tự...

Loạn lạc gần 200 năm, người dân phải đầu quân đánh giặc suốt đời, phải dẫn mình trước đầu tên mũi đạn, người chinh phụ thật lắm truân chuyên vì cảnh xa chồng mà phải một mình nuôi con dạy con, và phụng sự cả cha mẹ mình, cha mẹ chồng cùng em út còn nhỏ dại. Cái cảnh tay xách nách mang, đầu tắt mặt tối, cơ cực biết cơ man nào... Thân phận người đàn bà trong thời loạn đã là đầu đề cho nhiều văn nhân thi sĩ than thở náo nức trong những văn phẩm tuyệt vời. Một trong những văn phẩm đó là *Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn viết vào đời vua Lê Hiển Tông (niên hiệu Cảnh Hưng, 1740-1786). Lúc đó ở Bắc, Minh Đô Vương Trịnh Doanh (1740-1767), rồi Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm (1767-1782) cầm quyền bên vua Lê bù nhìn. Ở trong Nam thì Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1744-1765), rồi Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777) – con cháu Nguyễn Hoàng – cùng xưng Vương, cũng ngang dọc một dãy sơn hà từ Thuận Hóa lần lần vào tới Gia Định. Và lâu lâu hai họ Trịnh Nguyễn lại đem quân đánh nhau!

Đặng Trần Côn và Bản Chinh phụ chữ Hán

Đặng Trần Côn người làng Nhân Mục (tức làng Mọc), huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Không ai biết rõ ông sinh và mất năm nào. Chỉ có học giả Hoàng Xuân Hãn trong cuốn *Chinh phụ ngâm bị khảo* đoán ông sinh vào khoảng năm 1715 (?), sau bà Đoàn Thị Điểm lối 10 năm, tức là vào đời vua Lê Dụ Tông và chúa Trịnh Cương đang cầm quyền (Trịnh Cương là con Trịnh Căn và là cha Trịnh Giang; Lê Dụ Tông là con vua Lê Hi Tông và là cha Lê Duy Phường). Ông Hãn cũng đoán tập *Chinh phụ ngâm* được viết vào khoảng đầu năm vua Cảnh Hưng mới lên ngôi tức là khoảng năm 1740-1742... và tác giả Đặng Trần Côn chết vào các năm 1745-1747, lúc chưa đến 40 tuổi... Tiếc thay! Người tài mà tuổi không thọ!

Lúc thiếu thời, họ Đặng rất thông minh, hiếu học, đến nỗi phải đào hầm đọc sách luyện văn lúc nhà Chúa cấm đốt đèn vào ban đêm vì giấc già. Nghe tiếng bà Đoàn Thị Điểm giỏi chữ và thơ hay, ông làm một bài tự lấy làm mãn ý đem lại cầu kiến để nhờ Bà xem; nhưng Bà chê thơ còn kém, nên về rèn luyện thêm. Ông hổ thẹn cố về gắng học, nhưng đi thi chỉ đậu Hương Cống mà không đậu được kỳ thi Hội. Sau ông được bổ làm Huấn đạo ở phủ nhà, rồi làm Tri huyện Thanh Oai. Ông thăng đến Ngự sử đài chiếu khám, chứ không được giữ trọng trách nào.

Ông có tài làm thơ sâu sắc tinh tú, lời văn bóng bẩy mà ý tứ siêu phàm. Thơ ông trước tác gồm có:

(Thơ) *Tiêu tương bát cảnh*; (Phú) *Phú Trương Hàn tư thuần lô*; (Phú) *Trương Lương bố ỵ*, (Phú) *Khâu môn thanh*, (Truyện Thơ) Bích câu kỳ ngộ (mà nhiều người thường cho là tác giả vô danh?); (Ngâm khúc) *Chinh phụ ngâm khúc*.

Thi phẩm nổi tiếng nhất của ông làm theo lối cổ thể (có câu dài câu ngắn theo thể văn cổ nhạc phú) là *Chinh phụ ngâm khúc*. Danh sĩ đương thời là Ngô Thời Sĩ cũng phải tấm tắc khen phục: “Thơ của anh như vậy thì áp đảo cả lão Ngô này rồi!” Sau Đặng Trần Côn đem tác phẩm *Chinh phụ ngâm khúc* đến nhờ Đoàn nữ sĩ xem, thì lúc này Bà tán thưởng vô cùng và cảm khái đến nỗi đem diễn nôm thành thể văn song thất lục bát. Họ Đặng rất cảm kích và kính phục tài văn nôm của Bà còn hay hơn nguyên văn chữ Hán của ông và tôn Bà là bậc thi bá³. Câu chuyện này cho ta thấy hai người, đều bậc kỳ tài mà lòng khoáng đạt. Kẻ bị chê không oán mà nuôi chí học thêm. Người đã chê mà sau thấy người thành tài thì tỏ ra khâm phục hết lòng, không ngoan cố cứ kiêu hãnh chê người.

Chinh phụ ngâm nguyên văn được truyền bá sang Tàu làm nhiều thi sĩ Trung Quốc cũng phải khâm phục; còn bản diễn nôm của Đoàn phu nhân thì cả nước đều biết tiếng; rồi có lẽ bản văn nôm của Đoàn nữ sĩ còn được thán phục hơn cả nguyên tác và được

(³) Cụ Tôn Thất Lương thì nói ông tôn xưng Bà là Sư bá, tức xem Bà còn quá bậc Thầy.

phổ biến hết sức rộng rãi không khác chi *Truyện Kiều* sau này.

Ta có thể tự hỏi tại sao lúc trước Bà Đoàn chê văn Đặng Trần Côn mà lúc này lại quá khen, lại còn có dịch ra văn Nôm nữa? Lẽ tất nhiên, họ Đặng lúc này chắc văn chương đã tiến bộ quá mức (một phần nhờ lời nói khích của Bà chi họ Đoàn?), mà cũng có lẽ tâm sự của Đoàn phu nhân lúc này cũng quá phù hợp với tâm tình bao nhiêu người chinh phụ quanh mình do Đặng Trần Côn tả. Vì sao? Vì Bà mới lấy chồng có một tháng mà chồng đã vội từ giã đi sứ đến 3 năm mới về! Người lấy chồng chậm thì tình chồng vợ lòng âu yếm càng mặn nồng đầm thắm hơn cả người trẻ tuổi. Thế mà bị xa cách nhau ngay, làm sao bà vợ mới không cảm nỗi cô đơn phòng lạnh nhà vắng? Lòng cảm hoài của kẻ xa chồng mới cưới vừa đúng điệu rung cảm với kẻ có chồng chinh phụ. Cho nên Bà nhân dịch ngay bản ngâm Chinh phụ của Đặng tiên sinh mà bản diễn âm của bà, còn có nhiều câu, nhiều đoạn đậm đà thấm thía hơn nguyên văn vì cái tình trong nguyên tác là tình tưởng tượng mà tình của dịch giả là mối tình chân thật tự mình cảm xúc như người chinh phụ được tả trong nguyên văn. Cho nên tôi cảm thấy nếu tác giả bài diễn âm chinh phụ không phải là đàn bà thì không thể viết được như thế; và nếu không ở trong cảnh huống Đoàn Thị Điểm thì cũng không viết được như thế.

Đoàn thị Điểm và bản diễn nôm

Đoàn thị Điểm, hiệu là Hồng Hà nữ sĩ⁴ khi thiếu thời đã không phải là một phụ nữ tầm thường. Bà cùng anh là Doãn Luân đã nổi tiếng thần đồng từ khi còn nhỏ. Doãn Luân 3 tuổi đã biết Hán tự, 5 tuổi biết đặt câu, 10 tuổi thông hiểu kinh sử; lớn lên chỉ ưa ở nhà đọc sách, dạy học, không đi thi và cũng không cầu danh lợi... Bà Đoàn Thị Điểm là em, sinh năm Ất Dậu 1705, cũng sớm nổi danh là bậc tài hoa, dung nhan kiều lệ, cử chỉ đoan trang, lời nói văn hoa, việc làm lễ độ. Hai anh em đều con ông Đoàn Doãn Nghi (trước ông họ Nguyễn sau mới đổi ra họ Đoàn), quán làng Giai Phạm (nay là Hiến Phạm), huyện Văn Giang, xứ Bắc Kinh (nay là Bắc Ninh). Hai anh em đều học giỏi, lại ưa làm thơ phú, thách đố nhau văn Hán văn Nôm và đua nhau làm câu đối (cả Nôm, cả Hán). Có hôm, Doãn Luân đã đố em một câu lấy ở sự tích Hán Cao Tổ là Lưu Bang ra đề để em đối lại:

- *Bạch xà đương đạo, Quý bát kiểm nhi trảm chi*
(Ông Quý là Lưu Bang đang đi, bị con rắn lớn nằm ngay cản đường không ai dám đi qua, ông Quý bèn rút gươm chém đứt con mãng xà).

Cô em là Điểm cũng lấy ngay một câu văn trong

⁽⁴⁾ Trong Nam Hải dị nhân của Phan Kế Bính lại nói bà Điểm họ Nguyễn, và lại nói bà là em Tiến sĩ Nguyễn Trác Luân, người huyện Dương Hào, tỉnh Hải Dương. Nếu như vậy, văn học sử Việt Nam có hai bà Điểm đều là hai nữ sĩ thời danh?

Sử ký, đoạn nói về ông Vũ và vua Ngụ vua Thuấn, đối ngay rằng:

Hoàng long phụ châu, Vũ ngưỡng thiên nhiên thần viết (Con rồng vàng đội chiếc thuyền, ông Vũ nhìn trời mà than...)

Có hôm ông Luân lại muốn làm khó em, ra một câu đối hơi oái oăm:

- *Đối kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm* (Soi gương vẽ lông mày, một chấm hóa thành hai chấm. Điểm là chấm, mà cô em cũng tên là Điểm, nên còn có nghĩa là: một cô Điểm thành hai cô Điểm)

Cô Điểm ứng khẩu đáp liền:

Lâm trì ngoạ nguyệt, chích luân chuyển tác song luân (Đến ao ngắm trăng, một vành trăng hiện ra hai vành. Luân là bánh xe, là vành tròn mà cũng là tên của ông anh; ngụ ý: một ông Luân hiện ra hai ông Luân).

Năm cô Điểm 16 tuổi có vị Thượng thư bạn của thân sinh cô tên là Lê Tuấn Anh vì hiếm con mới xin đem cô về làm con nuôi, bạn bè với con gái ruột của ông. Nghe tiếng cô hay chữ, thơ đối đều giỏi, bèn thử tài cô, ra câu đối với đầu đề: “Một ngày không thấy lâu bằng ba thu”, bảo cô làm câu thơ nôm đối lại. Cô không chút suy nghĩ, ứng khẩu đáp ngay:

*“Những màng máy khắc giang cầm hạc,
Ngõ đã vài phen đổi lá ngô”*

Quan Thượng thư thức biệt tài nàng thiếu nữ, nửa trọng vì tài, nửa thương vì sắc mà biết nhà họ Đoàn thanh đậm, nên có hảo ý muốn để bạt cử cô

Điểm vào cung Chúa Trịnh để cả nhà được nhờ sau này. Tuy nhiên, Điểm nhi tính tình cao ngạo, không muốn dựa cái thế của họ Trịnh mà thời bấy giờ dân gian và các bậc chí sĩ không ưa vì thấy Chúa bạo ngược và cứ hiếp vua Lê, lắm le soán nghịch. Cô Điểm sợ phải lọt vào trong Phủ Chúa nên kiếm cách trở về với gia đình tại làng Lạc Viên, huyện Yên Dương, tỉnh Kiến An là chỗ thân sinh cô (là Đoàn Doãn Nghi) đang làm một thầy đồ.

Dưới triều vua Lê Thuần Tông⁵, Sứ giả Trung Quốc sắp sang Việt Nam đáp lễ triều cống của vua Lê. Thường thường các sứ Tàu ý mình là nhân vật thượng quốc lại là quan lớn học cao của một nước nổi danh văn hiến, nên thường hay ngênh ngang khinh người, cho Việt Nam là một xứ man di dốt nát. Vì thế Triều đình ta lắm khi cũng sắp đặt để người đất Bắc trông thấy Nam quốc không phải là cõi man mọi vô văn hóa... Có lẽ vì thế mà cô gái Đoàn Thị Điểm được các quan trong Triều bố trí cho cô cải trang làm một cô gái bán quan nước bên đường vào Kinh đô. Sứ Tàu đi ngang qua hàng quán thấy cô quan có vẻ thông minh lanh lợi, có dáng thù mỹ dễ ưa, lại ra vẻ con nhà có ăn học, lễ độ cao nhã, nên Sứ giả liền ghé quán xơi chén nước trà

⁽⁵⁾ Vua Lê thuần Tôn hiệu Long Đức (1732-1735) mới đồng thời với Đoàn Thị Điểm (chớ không phải vua Thần Tôn hiệu Đức Long và Khánh Đức (1619-1643) rồi (1649-1662) vì ông làm vua hai lần, khoảng thời gian, giữa nhường ngôi cho con để làm Thái thượng hoàng như Phan Kế Bính viết trong *Nam Hải dị nhân*).

tươi, vừa nhìn đọc những liễn đối trong cái quán bé nhỏ nhưng sạch sẽ; quan mới nảy ra cái ý thử tài người thiếu nữ, coi có phải là người có học thật chẳng, hay mấy câu liễn đối trong quán chỉ là cái cảnh lờ người. Ông ta lại có ý trêu ghẹo cô nhỏ bán chè xanh có mùi vị thôn quê nhà đạm. Ông mỉm cười ranh mãnh và ngạo nghễ đượm cái vẻ mỉa mai, ra câu đối:

An Nam nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh (An Nam chỉ có một tấc đất – ý khinh đất nước nhỏ bé, lại có ý trêu phụ nữ Việt Nam là đồ chơi cho nhiều đàn ông mà đất không biết bao nhiêu người cày. Cái ý ông nhà nho Tàu muốn chòng ghẹo cô gái một cách xác xược, xỏ lá. Nhưng cô gái đâu phải hạng quê mùa, ngu dốt, nên cô cứ vui vẻ và làm bộ khiêm tốn rụt rè, lễ độ đáp ngay một cách duyên dáng và “chửi ngọt”:

Bắc quốc chư đại phu, giai do thủ đồ xuất (Các quan lớn đất Bắc, chẳng qua cũng do lỗ ấy mà ra cả).

Quan Sứ Tàu và kẻ tùy tùng đều chịu là văn tài mà khẩu khí vừa lạnh lẽ vừa cao ngạo, nhưng không thô tục, vô lễ. Các ngài đành vui vẻ rút lui vừa khen cô hàng tài đã cao mà trí lại lạnh.

Hồng nhan đa truân: người đẹp dễ, tài đã cao về thi văn mà còn giỏi thêm thua may vá, nữ công không môn gì là không khéo, tánh tình thì nhã khiết, thùy mị, thế mà trời không đãi cô gái một địa vị xứng đáng, một trạng huống vui tươi phú lệ. Lúc còn trẻ trung, người thiếu nữ tài ba đó nổi danh khắp vùng. Văn nhân thi hữu biết bao là bậc kỳ tài lắm le dòm

ngó như ông Nguyễn Công Thái người Thanh Tri đỗ Tiến sĩ từ năm 1715, ông Nhữ Đình Toàn người Hoạch Trạch phủ Ninh Giang đỗ tiến sĩ năm 1736, đều nhờ người ngó ý cầu hôn, nhưng cô đều khước từ. Lại có nhiều vị ý tài cố đến nói xa nói gần, chòng ghẹo, thì cô chỉ vui vẻ ra cho vài câu đối vui để các chàng đối lại, nhưng nhiều cậu tự cao tự đại đã phải chịu thua cứng họng mà đành cáo thoái (như trường hợp Hoàng Giáp Vũ Diêm).

Năm 1729, tức lúc cô Điểm mới có 21 tuổi, ông thân cô là thầy đồ Đoàn Doãn Nghi, tức Hương cống Nghi bỗng nhiên bị bạo bệnh mà lìa trần, cô cùng mẹ và anh đưa linh cữu phụ thân về an táng tại quê nhà; rồi cô lại theo anh tới làng Vô-Ngai (huyện Đường Hào, tỉnh Hưng Yên) để cùng anh dạy học và giúp việc nhà cho anh, vì ông anh cô có vợ đã xấu xí lại vùng về. Nhưng thời này, cô lại có dịp cùng anh nghiên cứu sách vở, bàn luận văn học, đối đáp thi thơ, cho nên tài cô càng tăng tiến và danh thơm càng truyền khắp mọi nơi. Khốn khổ thay! Đúng là hồng nhan đa truân: ông anh Đoàn Doãn Luân chẳng bao lâu lại theo gót cha về châu côi Phật. Bấy giờ Đoàn nữ mới thật là cô-đơn, cảnh nhà mới thật là ê-chề ảo não. Cô lại cùng chị dâu đưa anh về an táng tại quê nhà, rồi lại cùng nhau lê đẽo mang bầy cháu đại trở lại làng Vô Ngai vừa dạy học vừa làm thầy lang, chặt vật kiếm kế sinh nhai, nuôi mẹ già, bà chị dâu bắt tài và bầy cháu nhỏ leo neho lóc nhóc.

Thế mà nhiều kẻ danh vọng đã đánh tiếng cầu hôn, nhưng Đoàn Thị cứ kiếm cách từ hôn mỗi kỳ! Để tránh họa bất ngờ, cô đành nhận lời vào dạy học một cô gái ở trong cung Chúa một thời gian để tránh những vụ lôi thôi có thể xảy ra cho gia đình cô.

Năm 1739 cô Điểm về lại làng Vô Ngại lo làm thuốc và dạy học như trước. Nhưng sau vì giặc cướp các nơi sắp tràn đến chỗ cô và gia đình cư ngụ, cô và gia đình phải chạy qua sông Nhị Hà, tới tạm trú tại xã Chương Dương. Lúc này họ Đoàn đã 37 tuổi... Những chuyện tình duyên đã ngán, không muốn nghĩ đến nữa, chỉ mong đào luyện đám thư sinh cho có người nên danh vọng (vì xưa đàn bà không có quyền đi thi). Sau quả nhiên, có người học sinh của cô tên là Đào-Duy Doãn đậu Tiến sĩ năm 1763 (ông này sanh năm 1729).

Tuy chính cô đã tránh không còn nghĩ đến hôn nhân, nhưng hôn nhân lại đến! Số là ông Nguyễn Kiểu, sinh năm 1695 tại làng Phú Xá, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, đậu giải nguyên năm mới 18 tuổi, đậu Tiến sĩ năm 21 tuổi, làm đến chức Đốc thị trấn Nghệ An, rồi thăng chức Thừa Tuyên (Tỉnh trưởng) năm 41 tuổi, rồi năm 1743 được cử làm Chánh sứ đi Tàu. Ông ta đã là rể quan Thượng thư Lê Anh Tuấn, rồi lần thứ hai lại làm rể quan đại thần Nguyễn Quý Đức, nhưng sau lại góa vợ lần nữa... Có lẽ lúc làm rể nhà Lê Anh Tuấn, hai người có gặp và quen nhau... Vì cảm tài văn thơ nhau, nên sau khi ông này qua cầu khỉ, lại đem cái tình xưa của cô con gái ông Lê Anh Tuấn (từng là

cha nuôi Bà Điểm) và bảy cháu đại không người chăm sóc trong lúc ông sắp đi sứ mấy năm mới về, và mẹ cũng khuyên, học trò và cả người quen biết trong họ cũng cố khuyên, nên lúc này cô đành ưng chịu. Giữa năm 1743 cô về nhà chồng, nhưng chỉ một tháng sau thì Kiều phải lên đường đi sứ bên Tàu. Cảnh Bà lúc này chẳng khác một người chinh phụ, như ta đã nói.

Nhưng sau 3 năm chồng đi sứ về. Hai vợ chồng hòa hợp, hết sức hạnh phúc, ngày đêm làm thơ làm phú, lại nghiên cứu thêm thiên văn, lý số. Thường thường thơ văn của Bà còn hay hơn chồng, chồng phải chịu (tuy Nguyễn Kiều là một người danh tiếng về văn học).

Mùa hè năm 1748, Nguyễn tiên sinh được thăng chức và đổi vào Nghệ An. Giữa đường trẩy vào Nam bằng thuyền, Bà bị cảm nặng. Vào đến Nghệ An ngày 4 tháng 8 năm 1748, qua ngày 11 tháng 9 bà mất, thọ 44 tuổi⁶. Tiếc thay, lại một bậc đại tài trong văn đàn Việt Nam quá sớm đã vắng bóng!

Vụ án Chinh-Phụ-ngâm

Vụ án Chinh phụ ngâm bắt đầu vào năm 1926. Đông Châu tiên sinh tức nhà văn Nguyễn Hữu Tiến nêu lên nghi án: Bản Chinh phụ ngâm diễn nôm xưa nay ai cũng cho là do Bà Đoàn Thị Điểm soạn thì lại có người cho tác giả biết bản nôm đó chính là nhà nho

⁽⁶⁾ Văn Bình Tôn Thất Lương nói ba mất lúc 70 tuổi, có lẽ nhầm với Bà Điểm họ Nguyễn chăng?

Phan Huy Ích chứ không phải Đoàn Thị Điểm. Ông Đông Châu lúc đó đã nhận được một bức thơ của một hậu duệ họ Phan tên là Phan Huy Chiêm nói rằng: “Cụ Phan Huy Ích từng dịch Chinh phụ ngâm khúc ra văn nôm, hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính vừa chữ vừa nôm”.

Ông Chiêm lại đưa ra một bài thơ của Phan Huy Ích bằng Hán văn nói là có phiên dịch bản Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn.

Từ năm 1926, bài văn của Đông Châu đăng trên Nam Phong số 106 lần lần đi vào lãng quên vì không mấy ai để ý. Về sau các nhà văn danh tiếng như Trúc Khê Ngô-Văn Triện (*Tiểu thuyết* số 4, tháng 7-1944), Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm (Tri Tân số 113) và ông bạn già của tôi là Thuần Phong Ngô Văn Phát trong cuốn *Chinh phụ ngâm khúc giảng luận* xuất bản tại Sài Gòn năm 1951 cũng đều cho bản văn đã in ra thành sách giáo khoa dạy trong các trường học là do Đoàn Thị Điểm diễn nôm, không thấy ai nói đến Phan Huy Ích (chẳng hạn như bản của Văn Bình Tôn Thất Lương dẫn giải và chú thích, Tân Việt xuất bản).

Mãi đến năm 1953, Hoàng Xuân Hãn tiên sinh lại cho xuất bản cuốn *Chinh phụ ngâm bị khảo*. Tiên sinh nói chắc rằng bản diễn nôm Chinh phụ ngâm mọi người thường dùng từ xưa đến nay chắc chắn là của Phan Huy Ích⁷. Hồng Hà nữ sĩ cũng có dịch một bản,

⁽⁷⁾ Phan Huy Ích (1750-1882)

nhưng dở hơn và ít ai biết đến; cũng như một bản dịch thứ ba nữa mà ông nghi là của Nguyễn Khản (anh cụ Nguyễn-Du) cũng chẳng mấy ai biết đến⁸. Lý lẽ của họ Hoàng đưa ra cũng là lý lẽ của Phan Huy Chiêm đưa ra từ 27 năm trước. Nhưng lý lẽ của ông Chiêm đã đứng không vững rồi nên đã không ai để ý. Ông Chiêm nói rằng trong nhà họ Phan có bản chính và bản dịch nôm của Phan Huy Ích, nhưng ông chỉ đưa ra một bản phiên âm ra quốc ngữ, còn hai bản Hán-tự và Nôm có bút tích của tiền nhân (Phan Huy Ích) thì không có. Về điểm ông Chiêm nói rằng trong gia phả họ Phan có ghi là “cụ Phan Huy Ích từng diễn nôm *Chinh phụ ngâm khúc*, nay từ các danh nhân văn sĩ cho đến trai gái thôn quê ai mà không đọc...”, thì ông Hà Như Chi trong cuốn *Việt Nam thi văn giảng luận* (1956) đã trả lời thay ta: “Lời dẫn giải của Ông Chiêm, ta có thể tìm nguồn gốc của nó ở lòng kiêu hãnh quá đáng của kẻ chép gia phả khi nói về một người đồng tộc của mình, thế nhân thường hay muốn bênh vực, nên có thể trình bày sai sự thật”. Có thể cụ Phan Huy Ích cũng có dịch một bản *Chinh phụ ngâm*, nhưng không có gì chứng đó là bản hay nhất mà thiên hạ thường ca tụng từ ngày Đặng Trần Côn và Đoàn phu-nhân còn sanh thời.

Và có điều rất quan trọng là nếu có sự sai lầm, lấy

⁽⁸⁾ Hoàng Xuân Hãn: *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* (Minh Tân Paris 1953)

bản dịch của cụ Phan mà gọi là bản của bà Đoàn thì sao bao nhiêu năm không có ai cải chính, để đến gần hai thế kỷ sau, Ông Chiêm mới thấy mà thanh minh⁹. Trước đó chán gì bậc danh sĩ lại không thấy được điều sai lầm sao? Nhất là Phan Huy Chú, con cụ Phan Huy Ích, là bậc túc nho đa tài, hiểu rộng, soạn được cả bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* là cả một kho tàng bách khoa, mà chuyện quan hệ của cha anh lại không hay biết gì sao? Còn các vị danh sĩ đồng thời với cụ Ích như Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Huy TỰ, v.v... những vị tài năng xuất chúng ấy lại không khám phá được một cái án văn học quan trọng như thế, để cho đến năm 1926 kẻ hậu thế mới tìm ra được sao?

Trong *Chinh phụ ngâm khúc bị khảo*, Hoàng Tiên sinh còn tìm ra được một chứng cứ khác là: trên một bản *Chinh phụ ngâm* dịch nôm, tiên sinh thấy có ghi hai chữ “nữ giới” nên *tiên* sinh quyết chắc là bản đó của Bà Đoàn Thị Điểm, mà bản này là một bản không hay bằng bản thiên hạ vẫn dùng xưa nay mà vẫn phục là hay (và cho là của bà Đoàn Thị Điểm). Hai chữ “nữ giới” ai viết ra trên một tờ sách mà không được, tại sao lại cứ phải cho đó là bút tích của Đoàn phu nhân và cả bản dịch đó là của phu nhân?

Và, ngay trong cuốn “bị khảo”, Hoàng Xuân Hãn cũng đã viết “Kể về bút chứng, thì nay chỉ có bản

(⁹) 104 năm sau khi ông Phan Huy Ích chết, 178 năm sau khi Bà Đoàn Thị Điểm mất, và 181 năm sau khi ông Đặng Trần Côn mất.

Chinh phụ ngâm bị lục, khắc bởi hiệu Long Hòa năm 1902, trong đó có bài mở đầu của Vũ Hoạt nói: “Nhớ xưa, Đặng Tiên sinh làm sách ấy, Đoàn phủ nhân diễn ra quốc âm...” Ở đầu sách lại có đề rõ hơn: “Thanh Trì, Nhân Mục tiên sinh Đặng Trần Côn làm, Văn Giang Trang phủ phu nhân Đoàn Thị Điểm diễn âm”. Rõ ràng như thế, nếu có điều sai, tại sao gia đình họ Phan để đến hơn 24 năm sau mới có một hậu duệ là Phan Huy Chiêm ra mặt nhờ Đông châu cải chính trên *Nam Phong*; rồi 27 năm sau nữa Hoàng Tiên sinh mới cải chính lần nữa?

Lại nữa, ngay Hoàng Xuân Hãn tiên sinh cũng công nhận là bản chữ nho và bản chữ nôm trước kia ông Chiêm nói có thì sau cũng không đưa ra được (sau 27 năm tìm kiếm). Còn bản phiên âm ra quốc ngữ có nhiều câu (vế) hoàn toàn khác hẳn bản văn nôm mọi người đã biết và “các vế ấy là nguyên văn của Phan Huy Ích khởi thảo”. Thế thì chẳng những ông Ích không dịch bản *Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn mà còn tự dịch riêng bản văn chữ Hán tự mình viết ra nữa! Thế tại sao lại cứ buộc cho ông là tác giả bản diễn nôm *Chinh phụ ngâm* của họ Đoàn?

Còn nói những câu dịch hay là do dịch sau thời bà Đoàn và gần thời ta hơn (nghĩa là văn của Phan-Huy Ích), “bản dịch không câu nệ về nghĩa đen, về thứ tự các vế, mà các bản ấy lại có thoai khác nhau”, cho nên cho cái bản dịch hay là của ông Ích, bản dó hơn là của bà Điểm thì thật không công bằng chút nào. Hay chữ,

nổi danh về tài văn nôm, tài ứng đáp, khẩu khí đanh thép từ thuở ấu thời mà bà Đoàn không hiểu lối làm văn cho hay, phải thua một vị ít danh tiếng về thi văn hơn thì thật vô lý, làm sao Đăng Trần Côn xem bài diễn nôm của bà Điểm lại chịu ngay bà là bậc thi bá? Vậy chúng tôi hẳn nhận theo truyền thống: bản dịch Chinh phụ ngâm in sau đây là của nữ sĩ họ Đoàn.

Giá trị văn chương của Chinh phụ ngâm

Ta thử đọc lại vài câu văn Chinh phụ dưới đây:

Lúc tiễn chồng:

*Ngoài đầu cầu, nước trong như lọc,
Đường bên cầu, cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
Nước có chảy mà lòng chẳng rửa,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.*

Lúc vợ chồng vò vọi trông nhau:

*Chôn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương,
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
Cùng trong lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chẳng ý thiếp ai sầu hơn ai?
Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về, ước nẻo quên ca.*

Nay quyền đã giục oanh già,
Ý nhi lại gáy trước nhà lú lo.
Thuở đặng đồ mai chưa dạn gió,
Hồi ngày về chi độ đào bông.
Nay đào đã quyến gió đồng,
Phù dung lại đã bên sông bơ sờ...

Nhớ những lúc ôm ấp yêu đương:
Lá màn lay, ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông,
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu!...

Tưởng tượng chồng về:
Xin vì chàng thay bào cỡi giáp,
Xin vì chàng rũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng,
Vì chàng điểm phấn đeo hương nãi nùng.

...

Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
Cho bỏ lúc xa sầu cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thuở thái bình!¹⁰

⁽¹⁰⁾ Theo Hán văn lá chữ “Thái”. Trái lại Hoàng Xuân Hãn dùng chữ: “thanh bình”.

Mỗi đoạn văn là một khúc nhạc êm ái mê ly, khiến người đọc ngâm đi ngâm lại không chán. Mỗi lời nói, mỗi câu than sao mà đậm đà tha thiết như thế, mà lại vừa đầm ấm mặn nồng, phảng phất nhớ nhung mà không thê lương ảm đạm, buồn mà man mác cao nhã, chớ không thảm thiết lệ trào? Lời văn phải là văn của một phụ nữ yêu chồng nhớ chồng. Chớ một nam nhân dù đội lốt làm sao mô tả được tình tứ và tế nhị như vậy?

Bà Đoàn là một phụ nữ có văn học cao siêu trải qua nhiều giai đoạn khốn đốn trong đời, đã tỏ ra người rất đảm đang can đảm phi thường, nên lời văn tuy đượm tình tha thiết, nhưng nhiều chỗ tỏ ra cứng cỏi chứ không uỷ mị, nhớ chồng chớ không yếu ớt mà cố lấy cái tình nhi nữ để làm nhún chí anh hùng. Trái lại bà còn khuyên chồng cố làm nên sự nghiệp oanh liệt của người trai thời loạn:

*Hộ chàng trăm trận nên công,
Buông tên ải bắc, treo cung non đoài,
...
Nên huân tướng đại cân rạng vẻ,
Chữ đồng hưu bìa để nghìn đông.
Ân trên tử ấm thê phong,
Phân vinh thiếp cũng đượm chung hương trời.*

Còn chuyện nhà, chuyện mẹ, chuyện con đã có bà thay làm “hiếu nam” và làm “phụ thân”: cái cảnh này thật đúng là cảnh họ Đoàn:

*Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam,
Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.
Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mẹ biết bao!*

Bản dịch của Đoàn nữ sĩ thật là một áng văn kiệt tác, đứng ngang hàng với *Truyện Kiều*, và hay hơn cả *Cung oán* và *Hoa tiên*. Bản văn này, như chúng ta đã biết, thuộc thể thơ “Song thất lục bát” lại có những vần “liên hoàn”. Thành thử mỗi tình thương nhớ trong khúc *Chinh phụ* không những thấm thiết, còn quấn quít với nhau, diễn tả đầy đủ mối tình lứa đôi của hai vợ chồng trẻ bị xa cách giữa lúc cả đôi đang yêu nhau khấn khít và nồng thắm. Thể thơ Song thất lục bát trong *Chinh phụ ngâm* bắt nguồn từ thơ trữ tình của ca dao, lại phối hợp với chất thần thoại ngoại lai (các điển tích là một thứ thần thoại) được bình dân và nho sĩ chấp nhận ngay. Và nhờ đó, trong vườn thơ dân tộc thế kỷ 18 và về sau đã mở ra một mùa xuân “Ngâm Khúc”: *Cung oán*, *Bản nữ thần*, *Tỳ bà hành*, *Thu dạ lữ hoài ngâm*, *Tự tình khúc...*, chưa kể *Văn tế Thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du, hay bài *Khóc bạn họ Dương* của Nguyễn Khuyến...

Dương Quảng Hàm trong cuốn *Việt Nam văn học sử yếu* đã phê bình: “Khúc này (*Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn) soạn xong, được nhiều bậc danh sĩ đương thời khen hay. Có nhiều nhà (như Phan Huy Ích, Đoàn Thị Điểm...) đem dịch ra lời Nôm. Trong

các bản dịch ấy, bản của Bà Đoàn Thị Điểm hay hơn cả, nên còn truyền đến bây giờ. So bản của Bà với bản chữ nho thì thấy văn dịch rất sát nghĩa nguyên văn mà lời văn êm đềm áo nã, rõ ra giọng một **người đàn bà** buồn bã, nhưng có vẻ thê lương hơn vẻ đau đớn, không đến nỗi réo rất sâu khổ như giọng Cung oán: thật là lời hợp với cảnh. Bản dịch theo thể song thất. Có nhiều đoạn đặt theo lối “liên hoàn”: những chữ cuối câu trên lấy lại làm chữ đầu của câu dưới, cứ thế đặt dài mấy câu, thật hợp với tình buồn liên miên không dứt của người chinh phụ? Cụ Phạm Xuân Độ, một nhà mô phạm văn tài nổi tiếng cũng đã phê bình Đoàn Thị Điểm như sau: “... Bà Đoàn Thị Điểm là một văn hào, có ngọn bút uyên thâm, sắc bén. Thiên tài của Bà đã phát huy rõ rệt trong bản dịch *Chinh phụ ngâm*, một áng văn có thể góp phần trên tao đàn thế giới và đáng lưu truyền muôn thuở¹¹. Lời khen thật vô cùng xứng đáng.

Từ khi ra đời, khúc ngâm Chinh phụ đã biết bao người đọc và ngâm nga đến thuộc nằm lòng. Trong đám độc giả, đáng kể nhất là những nàng chinh phụ phòng khuê hiu hắt đợi chồng từ trận tuyến trở về. Nhưng có chàng về mà cũng có chàng đã bỏ mình nơi chiến địa, và được mấy ai có cái phúc da ngựa bọc thây, hay thây chi bị vùi trong đất trong cát, hoặc khô

⁽¹¹⁾ *Nữ thi hào Việt Nam* của Phạm Xuân Độ, Sài Gòn, 1959.

cháy rời rã giữa chốn rừng già hay trong gió bụi của thời gian?...

Dầu sao đọc ngâm khúc của thi bá Đoàn phu nhân cũng là điều an ủi lớn lúc xót xa đời chồng hay lúc thổn thức với hôn chinh phu đã về phảng phất ẩn hiện bên mình!? Và từ lúc áng thơ vô giá của họ Đoàn được phổ biến trong dân gian, biết bao thế hệ nhớ chồng khóc chồng đã được an ủi nhờ vần thơ trác tuyệt của Đoàn phu nhân! Nhất là từ gần 40 năm nay, biết bao chinh phu đã có đi mà không có về, và từ 5 năm nay người ra đi người ở lại trong ngục tù đen tối thối tha, biết bao mạng đã nộp mình trong bụng cá, hoặc dưới lưỡi dao hòng súng của lũ hải tặc mọi rợ..., chồng đi vợ kẹt, hay vợ đến mà chồng biệt tăm! Chinh phụ ngâm khúc là khúc tiêu sầu cho kẻ đến bến hay cho người ở lại. Nhưng hiện nay, có mấy ai còn giữ được một bản Ngâm khúc?

Vì nghĩ đến những tâm hồn đau khổ vì thời cuộc mà chúng tôi cố tìm cho được bản văn này để cống hiến độc giả yêu văn và độc giả muốn được phần nào an ủi cho vơi bớt lòng sầu. Dầu lời phê bình hay lời chú thích có sơ sót hay vụng về sai lầm, cũng mong các bậc thức giả tha thứ và đính chính lại cho. Chúng tôi thật vô vàn cảm tạ!

Kết luận về cái án Chinh phụ

Ta có biết bao nhiêu văn sĩ danh tài về nam giới, mà chỉ có 4, 5 nữ thi hào đáng thờ kính, mà trong

những vị đó nhiều người xưa nay đã đặt Bà Đoàn Thị Điểm lên hàng đầu. Trong thâm tâm ta, trong trí óc ta khi còn ôm sách đến trường, đã tự xây trong tâm khảm một đèn đài huy hoàng hoa lệ, một chiếc bệ sáng chói như kim cương, như tủy ngọc và đã đặt Đoàn nữ sĩ trong đèn đài ấy, trên bệ ngọc kia. Nay lẽ nào, do một vài chứng tích không được xác đáng mà đang tâm phá nát tòa lâu đài trên và đập đổ chiếc bệ ngọc cao quý kia?

Một Phan Huy Ích tuy là nhà đại khoa bảng, làm quan lớn, nhưng đã trải qua mấy triều đối nghịch nhau, thân thế ông đã gặp nhiều nguy hiểm. Ông trước tác nhiều, nhưng đa số là văn chữ Hán. Văn Nôm chỉ để lại mấy bài thơ và văn tế làm thay kẻ quyền quý trong triều đình. Ông cũng có một bản diễn nôm Chinh phụ. Nhưng như trên đã nói, không có một chứng cứ gì rõ ràng bản văn đã lưu hành lâu trong dân gian và đã liệt xếp vào các sách giáo khoa từ xưa đến nay ai cũng cho là của Đoàn Thị Điểm, bỗng nhiên lại bị gán cho họ Phan.

Vậy mong rằng cái án Chinh phụ do Ông Chiêm gây ra, tạm đây xin gác lại, Và chúng tôi mong các nhà học giả, nhất là học giả Hoàng Xuân Hãn tìm thêm được nhiều chứng cứ xác đáng hơn, vì chúng tôi luôn luôn hoan nghênh những công trình nghiên cứu theo phương pháp khoa học, như Hoàng tiên sinh thường làm.

Các tác phẩm khác của Đoàn Thị Điểm

Phần nhiều viết bằng Hán-văn, nhưng thơ đối có hàng trăm bài, trong *Đoàn thị thật lục* có kể lại, nhưng nay bị sai lạc rất nhiều. Những bài xướng họa với anh, với cha, với cha nuôi Lê Anh Tuấn, với chồng là Nguyễn Kiều có sắp đặt thành tập nay cũng mất mát gần hết.

Bà cũng có viết những chuyện lạ xưa ở Việt Nam ta như chuyện *Bà Thần chế Thắng*, *Hải khẩu linh tử*, *Bà Chúa Liễu Hạnh (Vân Cát thần nữ)*, *Vợ bé Đinh Nho Đoàn (An ấp liệt nữ)*, *Yến Oanh nói chuyện (Yến Oanh đối thoại)*, *Mai huyền*, *Cơ tiên ở núi Hoành sơn (Hoành sơn tiên cục)* *Chó nuôi mèo (Nghĩa khuyến thập miêu)*... Phan Huy Chú tiên sinh sau đã gọi sách này là *Tục truyền kỳ* và đều khen các bài này là “văn hoa lệ”, nhưng khí cách không mạnh bằng Nguyễn Dữ (Tiến sĩ khoa 1495, học trò Nguyễn Bình Khiêm, tác giả sách trứ danh *Truyền kỳ mạn lục*.)

Đào Đăng Vỹ

BẢN HÁN VĂN

-I-

天地風塵

Thiên địa phong trần

紅顏多屯

Hồng nhan đa truân

悠悠彼蒼兮誰造因

Du du bi thương hê thủy tạo nhân

鼓鼙聲動長城月

Cổ bễ thanh động Trường Thành nguyệt

烽火影照甘泉雲

Phong hỏa ảnh chiếu Cam Tuyền vân

九重按劍起當席

Cửu trùng án kiếm khởi đương tịch

半夜飛檄傳將軍

Bán dạ phi hịch truyền tướng quân

清平三百年天下

Thanh bình tam bách niên thiên hạ

從此戎衣屬武臣

Tùng thử nhung y thuộc vũ thần

使星天門催曉發

Sứ tinh thiên môn thôi hiểu phát

行人重法輕離別

Hành nhân trọng pháp khinh ly biệt

弓箭兮在腰

Cung tiễn hê tại yêu

妻孥兮別袂

Thê noa hê biệt khuyết

獵獵旌旗兮出塞愁

Liệp liệt tinh kỳ hê xuất tái sầu

喧喧簫鼓兮辭家怨

Huyền huyền tiêu cổ hê từ gia oán

有怨兮分攜

Hữu oán hê phân huê

有愁兮契闊

Hữu sầu hê khế khoát

Đại ý: Đoạn trên là lời chinh phụ kể ngọn nguồn: Con gió bụi của trời đất khiến kẻ má hồng chịu nổi lao đao. Rồi tác giả mượn lời nàng mà tả cảnh giặc giã ở biên cương, sự truyền hịch, việc xuất chinh, và cảnh biệt ly giữa vợ chồng.

良人二十吳門豪

Lương nhân nhị thập Ngô môn hào

投筆硯兮事弓刀

Đầu bút nghiên hễ sự cung đao

直把連城獻明聖

Trực bả liên thành hiến minh thánh

願將尺劍斬天驕

Nguyện tương xích kiếm trảm thiên kiều

丈夫千里志馬革

Trượng phu thiên lý chí mã cách

泰山一擲輕鴻毛

Thái Sơn nhất trịch khinh hồng mao

便辭閨闔從征戰

Tiện từ khuê khốn tùng chinh chiến

西風鳴鞭出渭橋

Tây phong minh tiên xuất Vị kiều

渭橋頭清水溝

Vị kiều đầu thanh thủy câu

清水邊青草途

Thanh thủy biên thanh thảo đồ

送君處兮心悠悠

Tống quân xứ hễ tâm du du

君登途兮妾恨不如駒

Quân đăng đồ hễ thiếp hận bất như câu

君臨流兮妾恨不如舟
 Quân lâm lưu hề thiếp hận bất như chu
 清清有流水
 Thanh thanh hữu lưu thủy
 不洗妾心愁
 Bất tẩy thiếp tâm sầu
 青青有芳草
 Thanh thanh hữu phương thảo
 不忘妾心憂
 Bất vong thiếp tâm ưu
 語復語兮執君手
 Ngữ phục ngữ hề chấp quân thủ
 步一步兮牽君裾
 Bộ nhất bộ hề khiên quân nhu
 妾心隨君似明月
 Thiếp tâm tùy quân tự minh nguyệt
 君心萬里千山箭
 Quân tâm vạn lý Thiên Sơn tiễn
 擲離杯兮舞龍泉
 Trích ly bôi hề vũ Long Tuyền
 橫征槩兮指虎穴
 Hoành chinh sáo hề chỉ hổ huyệt
 云隨介子獵樓蘭
 Vân tùy Giới Tử liệt Lô Lan
 笑向蠻溪談馬援
 Tiểu hướng Man Khê đàm Mã Viện
 君穿壯服紅如霞
 Quân xuyên trang phục hồng như hà

君騎驍馬白如雪

Quân kỵ kiêu mã bạch như tuyết

驍馬兮鸞鈴

Kiêu mã hễ loan linh

征鼓兮人行

Chinh cổ hễ nhân hành

須臾中兮對面

Tu du trung hễ đối diện

頃刻裡兮分程

Khoảnh khắc lý hễ phân trình

Đại ý: *Chinh phụ tả thân thế của chồng, rồi tả nỗi lòng mình từ khi vợ chồng chia ly vì chinh chiến.*

分程兮河梁

Phân trình hê hà lương

徘徊兮路旁

Bồi hồi hê lộ bàng

路旁一望兮旆央央

Lộ bàng nhất vọng hê bái ương ương

前車兮北細柳

Tiền xa hê Bắc Tế Liễu

後騎兮西長楊

Hậu kỵ hê Tây Trường Dương

騎車相擁君臨塞

Kỵ xa tương ủng quân lâm tái

楊柳那知妾斷腸

Dương liễu na tri thiếp đoạn trường

去去落梅聲漸遠

Khứ khứ lạc mai thanh tiệm viễn

行行征旆色何忙

Hành hành chinh bái sắc hà mang

望雲去兮郎別妾

Vọng vân khứ hê lang biệt thiếp

望山歸兮妾思郎

Vọng sơn quy hê thiếp tư lang

郎去程兮濛雨外

Lang khứ trình hê mông vũ ngoại

妾歸處兮昨夜房

Thiếp quy xứ hê tạc dạ phòng

歸去兩回顧

Quy khứ lưỡng hồi cố

雲青兮山蒼

Vân thanh hê sơn thương

郎顧妾兮咸陽

Lang cố thiếp hê Hàm Dương

妾顧郎兮瀟湘

Thiếp cố lang hê Tiêu Tương

瀟湘煙阻咸陽樹

Tiêu Tương yên trở Hàm Dương thụ

咸陽樹隔瀟湘江

Hàm Dương thụ cách Tiêu Tương giang

相顧不相見

Tương cố bất tương kiến

青青陌上桑

Thanh thanh mạch thượng tang

陌上桑陌上桑

Mạch thượng tang mạch thượng tang

妾意君心誰短長

Thiếp ý quân tâm thùy đoản trường

Đại ý: Phút chia ly, chinh phụ ngổn ngang tâm sự và ngập tràn nhung nhớ.

- IV -

自從別後風沙隴

Tự từng biệt hậu phong sa lũng

明月知君何處宿

Minh nguyệt tri quân hà xứ túc

古來征戰場

Cổ lai chinh chiến trường

萬里無人屋

Vạn lý vô nhân ốc

風熬熬兮打得人顏憔悴

Phong ngao ngao hề đà đắc nhân nhan tiêu

水深深兮怯得馬蹄縮

Thủy thâm thâm hề khiếp đắc mã đề súc

戍夫枕鼓臥龍沙

Thú phu chẩm cổ ngọa Long sa

戰士抱鞍眠虎陸

Chiến sĩ bào yên miên hổ lục

今朝漢下白登城

Kim triều Hán há Bạch Đằng thành

明日胡窺青海曲

Minh nhật Hồ khuy Thanh Hải khúc

青海曲青山高復低

Thanh Hải khúc thanh sơn cao phục đề

青山前青溪斷復續

Thanh sơn tiền thanh Khê đoạn phục tục

青山上雪蒙頭

Thanh sơn thượng tuyết mông đầu

青溪下水沒腹

Thanh khê hạ thủy một phúc

可憐多少鐵衣人

Khả liên đa thiếu thiết y nhân

思歸當此愁顏蹙

Tư quy đương thử sầu nhan xúc

錦帳君王知也無

Cẩm trướng quân vương tri dã vô

艱難誰為畫征夫

Gian nan thủy vị họa chinh phu

料想良人經歷處

Liệu tưởng lương nhân kinh lịch xứ

蕭關角瀚海隅

Tiêu Quan giác hân hải ngưng

霜村雨店虎落蛇區

Sương thôn vũ điểm, hổ lạc xà khu

風餐露宿雪脰冰鬚

Phong xan lộ túc, tuyết hỉnh băng tu

登高望雲色

Đăng cao vọng vân sắc

安復不生愁

An phục bất sinh sầu

Đại ý: Chinh phụ kể lể sự vất vả gian nan của chồng tại biên cương và nỗi nhớ nhà của chàng.

自從別後東南徼

Tự từng biệt hậu Đông Nam kiếu

東南知君戰何道

Đông Nam tri quân chiến hà đạo

古來征戰人

Cổ lai chinh chiến nhân

性命輕如草

Tính mệnh khinh như thảo

鋒刃下溫溫挾纘主恩深

Phong nhận hạ ôn ôn hiệp khoáng chủ ân thâm

時刻中歷歷橫戈壯士天

Thời khắc trung lịch lịch hoành qua tráng sĩ yểu

祈山舊塚月茫茫

Kỳ sơn cựu trủng nguyệt mang mang

淝水新墳風裊裊

Phì thủy tân phần phong niểu niểu

風裊裊空吹死士魂

Phong niểu niểu không xuy tử sĩ hồn

月茫茫曾照征夫貌

Nguyệt mang mang từng chiếu chinh phu mạo

征夫貌兮誰丹青

Chinh phu mạo hề thủy đan thanh

死士魂兮誰哀弔

Tử sĩ hồn hề thủy ai điếu

可憐爭鬪舊江山
Khả lân tranh đấu cựu giang sơn
行人過此情多少
Hành nhân quá thử tình đa thiếu
古來征戰幾人還
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hoàn
班超歸時鬢已斑
Ban Siêu quy thời mấn dĩ ban
料想良人馳騁外
Liệu tưởng lương nhân trì sính ngoại
三尺劍一戎鞍
Tam xích kiếm nhất nhung yên
秋風沙草
Thu phong sa thảo
明月關山
Minh nguyệt quan san
馬頭鳴鐃
Mã đầu minh đích
城上緣竿
Thành thượng duyên can
功名百忙裏
Công danh bách mang lý
勞苦未應閒
Lao khổ vị ưng nhàn
勞與閒誰與言
Lao dữ nhàn thùy dữ ngôn
君在天涯妾倚門
Quân tại thiên nhai, thiếp ỷ môn

Đại ý: *Chinh phụ tả hoàn cảnh gian nan khôn xiết của chồng đang chinh chiến nơi biên cương.*

- VI -

倚門固妾今生分

Ý môn cố thiếp kim sinh phận

天涯豈君平生魂

Thiên nhai khởi quân bình sinh hồn

自信相隨魚水伴

Tự tín tương tùy ngư thủy bạn

那堪相隔水雲村

Na kham tương cách thủy vân thôn

妾身不想為征婦

Thiếp thân bất tưởng vi chinh phụ

君身豈學為王孫

Quân thân khởi học vi vương tôn

何事江南與江北

Hà sự giang Nam dữ giang Bắc

令人愁曉更愁昏

Linh nhân sầu hiểu cánh sầu hôn

個是風流少年客

Nhất cá thị phong lưu thiếu niên khách

個是深閨少年婚

Nhất cá thị thâm khuê thiếu niên hôn

可堪兩年少

Khả kham lưỡng niên thiếu

千里各寒暄

Thiên lý các hàn huyên

憶昔與君相別時

Ưc tích dữ quân tương biệt thời

柳條猶未嚙黃鸝

Liễu điều do vị chuyển hoàng ly

問君何日歸

Vấn quân hà nhật quy

君約杜鵑啼

Quân ước đồ quyên đề

杜鵑已逐黃鸝老

Đồ quyên dĩ trục hoàng ly lão

青柳樓前語鸝鵒

Thanh Liễu lâu tiền ngữ ý nhi

憶昔與君相別中

Ưc tích dữ quân tương biệt trung

雪梅猶未識東風

Tuyết mai do vị thức Đông phong

問君何日歸

Vấn quân hà nhật quy

君指桃花紅

Quân chỉ đào hoa hồng

桃花已伴東風去

Đào hoa dĩ bạn Đông phong khứ

老梅江上又芙蓉

Lão mai giang thượng hựu phù dung

與我約何所

Dữ ngã ước hà sở

乃約隴西岑

Nãi ước Lũng Tây sâm

日中兮不來

Nhật trung hề bất lai

墜葉兜我簪

Trụy diệp đầu ngã trâm

竚立空涕泣

Trữ lập không thể khắp

荒邨喧午禽

Hoang thôn huyền ngọ cầm

與我約何所

Dữ ngã ước hà sở

乃約漢陽橋

Nãi ước Hán Dương kiều

日晚兮不來

Nhật vãn hề bất lai

谷風吹我袍

Cốc phong xuy ngã bào

竚立空涕泣

Trữ lập không thể khắp

寒江起暮潮

Hàn giang khởi mộ trào

Đại ý: Chinh phụ kể nỗi lòng đau xót khi nàng luôn tựa cửa ngóng trông chồng nơi chiến địa xa xôi. Và nàng mơ ước một ngày đoàn tụ sum vầy.

- VII -

昔年寄信勸君回

Tích niên ký tín khuyến quân hồi

今年寄信勸君來

Kim niên ký tín khuyến quân lai

信來人未來

Tín lai nhân vị lai

楊花零落委蒼苔

Dương hoa linh lạc ủy thương đài

蒼苔蒼苔又蒼苔

Thương đài thương đài hựu thương đài

一步閒庭百感催

Nhất bộ nhàn đình bách cảm thôi

昔年回書訂妾期

Tích niên hồi thư đính thiếp kỳ

今年回書訂妾歸

Kim niên hồi thư đính thiếp quy

書歸人未歸

Thư quy nhân vị quy

紗窗寂寞轉斜暉

Sa song tịch mịch chuyển tà huy

斜暉斜暉又斜暉

Tà huy tà huy hựu tà huy

十約佳期九度違

Thập ước giai kỳ cửu độ vi

試將去日從頭數

Thí tương khứ nhật từng đầu số

不覺荷錢已三鑄

Bất giác hà tiền dĩ tam chú

最苦是連年紫塞人

Tối khổ thị liên niên tử tái nhân

最苦是千里黃花戍

Tối khổ thị thiên lý hoàng hoa thú

黃花戍誰無堂上親

Hoàng hoa thú thủy vô đường thượng thân

紫塞人誰無閨中婦

Tử tái nhân thủy vô khuê trung phụ

有親安可暫相離

Hữu thân an khả tạm tương ly

有婦安能久相負

Hữu phụ an năng cửu tương phụ

君有老親鬢如霜

Quân hữu lão thân mấn như sương

君有嬰兒年且孺

Quân hữu anh nhi niên thả nhụ

老親兮倚門

Lão thân hê ý môn

嬰兒兮待哺

Anh nhi hê đãi bộ

供親餐兮妾為男

Cung thân xan hê thiếp vi nam

課子書兮妾為父

Khóa tử thư hê thiếp vi phụ

供親課子此一身

Cung thân khóa tử thử nhất thân

傷妾思君今幾度

Thương thiếp tư quân kim kỷ độ

思君昨日兮已過

Tư quân tạc nhật hê dĩ quá

思君今年兮又暮

Tư quân kim niên hê hựu mộ

君淹留二年三年更四年

Quân yêm lưu nhị niên tam niên cánh tứ niên

妾情懷百縷千縷還萬縷

Thiếp tình hoài bách lữ thiên lữ hoàn vạn lữ

安得在君邊

An đắc tại quân biên

訴妾衷腸苦

Tổ thiếp trung trường khổ

妾有漢宮釵

Thiếp hữu Hán cung thoa

曾是嫁時將送來

Tằng thị giá thời tương tống lai

憑誰寄君子

Bằng thùy ký quân tử

表妾相思懷

Biểu thiếp tương tư hoài

妾有秦樓鏡

Thiếp hữu Tần lâu kính

曾與郎初相對影

Tằng dữ lang sơ tương đối ảnh

憑誰寄君子

Bằng thùy ký quân tử

照妾今孤另

Chiếu thiếp kim cô lánh

妾有鉤指銀

Thiếp hữu câu chỉ ngân

手中時相親

Thủ trung thời tương thân

憑誰寄君子

Bằng thùy ký quân tử

微物寓慇懃

Vi vật ngụ ân cần

妾有搔頭玉

Thiếp hữu tao đầu ngọc

嬰兒年所弄

Anh nhi niên sở lộng

憑誰寄君子

Bằng thùy ký quân tử

他鄉幸珍重

Tha hương hạnh trân trọng

Đại ý: Nàng vẫn kể lể nỗi lòng khi chia ly, thư gửi cho chồng mà chẳng có hồi âm. Vắng chồng, nàng đảm đương mọi việc trong nhà, phụng dưỡng mẹ và dạy con, đồng thời nàng mong gửi những vật thân quý đến chồng để bày tỏ tình nhớ thương.

- VIII -

昔年音信有來時

Tích niên âm tín hữu lai thời

今年音稀信亦稀

Kim niên âm hy tín diệc hy

見雁枉然思塞帛

Kiến nhạn uổng nhiên tư tái bạch

聞霜漫自製綿衣

Văn sương mạn tự chế miên y

西風欲寄無鴻便

Tây phong dục ký vô hồng tiện

天外憐伊雪雨垂

Thiên ngoại liên y tuyết vũ thùy

雪寒伊兮虎帳

Tuyết hàn y hề hổ trướng

雨冷伊兮狼幃

Vũ lãnh y hề lang vi

寒冷般般苦

Hàn lãnh ban ban khổ

天外可憐伊

Thiên ngoại khả lân y

錦字題詩封更展

Cẩm tự đề thi phong cánh triển

金錢問卜信還疑

Kim tiền vấn bốc tín hoàn nghi

幾度黃昏時

Kỷ độ hoàng hôn thời

重軒人獨立

Trùng hiên nhân độc lập

幾回明月夜

Kỷ hồi minh nguyệt dạ

單枕鬢斜敲

Đơn chẩm mấn tà khi

不關醪與酎

Bất quan trâm dũ hàm

惛惛人似醉

Hôn hôn nhân tị túy

不關愚與惰

Bất quan ngu dũ nọa

懵懵意如癡

Mộng mộng ý như si

簪斜委鬢髻無奈

Trâm tà uỷ đoả bồng vô nại

裙褪柔腰瘦不支

Quần thối nhu yêu sấu bất chi

晝沈沈午院行如墜

Trú trâm trâm ngọ viện hành như truy

夕悄悄湘簾捲又垂

Tịch tiêu tiêu tương liêm quyển hựu thủy

簾外窺日出枝頭無鵲報

Liêm ngoại khuy nhật xuất chi đầu vô thước báo

簾中坐夜來心事只燈知

Liêm trung tọa dạ lai tâm sự chỉ đăng tri

燈知若無知

Đăng tri nhược vô tri

妾悲只自悲

Thiếp bi chỉ tự bi

悲又悲兮更無言

Bi hựu bi hể cánh vô ngôn

燈花人影總堪憐

Đăng hoa nhân ảnh tổng kham lân

咿喔雞聲通五夜

Y ốc kê thanh thông ngũ dạ

披拂槐陰度八磚

Phi phất hòe âm độ bát chuyên

愁似海刻如年

Sầu tự hải, khắc như niên

強燃香花魂消檀炷下

Cưỡng nhiên hương hoa hồn tiêu đàn chú hạ

強臨鏡玉筋墜菱花前

Cưỡng lâm kính ngọc cân trụ lãng hoa tiền

強援琴指下驚停鸞鳳柱

Cưỡng viện cầm chỉ hạ kinh đình loan phượng trụ

強調瑟曲中悲遏鴛鴦絃

Cưỡng điều sắt khúc trung bi yết uyên ương huyền

此意春風若肯傳

Thử ý xuân phong nhược khả truyền

千金借力寄燕然

Thiên kim tá lực ký Yên Nhiên

燕然未能傳

Yên Nhiên vị năng truyền

憶君迢迢兮路如天

Ức quân thiêu thiêu hê lộ như thiên

Đại ý: *Chinh phụ than thở niềm cô đơn khi cách xa chồng và không có tin tức gì của chàng. Chàng dãi dầu sương tuyết lạnh giá nơi biên cương, còn nàng thì khuê phòng quanh quẽ. Nàng muốn gửi thư và áo lạnh cho chồng nhưng không biết gửi đi đâu.*

- IX -

天遠未易通

Thiên viễn vị dị thông

憶君悠悠兮思何窮

Ức quân du du hê tứ hà cùng

懷人處傷心胸

Hoài nhân xử thương tâm hung

樹葉青霜裡

Thụ diệp thanh sương lý

蛩聲細雨中

Cùng thanh tế vũ trung

霜斧殘兮楊柳

Sương phủ tàn hê dương liễu

雨鋸損兮梧桐

Vũ cú tổn hê ngô đồng

鳥返高春

Điểu phản cao thung

露下低叢

Lộ há đề tùng

寒垣候虫

Hàn viên hậu trùng

遠寺曉鐘

Viễn tự hiếu chung

蟋蟀數聲雨

Tất suất số thanh vũ

芭蕉一院風

Ba tiêu nhất viện phong

風裂紙窗穿帳隙

Phong liệt chi song xuyên trướng khích

月移花影上簾櫳

Nguyệt di hoa ảnh thường liêm lung

花前月照月白白

Hoa tiền nguyệt chiếu nguyệt tự bạch

月下花開花自紅

Nguyệt hạ hoa khai hoa tự hồng

月花花月兮影重重

Nguyệt hoa hoa nguyệt hê ảnh trùng trùng

花前月下兮心忡忡

Hoa tiền nguyệt hạ hê tâm xung xung

千般懶萬事慵

Thiên ban lãn, vạn sự dung

慵女工錦軸恥拋鴛對偶

Dung nữ công cảm trục si phao uyên đối ngẫu

慵婦巧金針羞刺蝶雌雄

Dung phụ xảo kim châm tu thích điệp thư hùng

慵粧對曉空施粉

Dung trang đối hiếu không thi phấn

慵語終朝悶倚窗倚窗

Dung ngữ chung triều muộn ỷ song

倚窗復倚窗

Ỗ song ỷ song phục ỷ song

郎君去兮誰為容

Lang quân khứ hê thủy vi dung

誰為容兮空盤桓

Thùy vi dung hê không bàn hoàn

郎君去兮隔重關

Lang quân khứ hê cách trùng quan

何啻天帝孫

Hà thí Thiên đế tôn

冷落泣銀渚

lãnh lạc khắp Ngân Chử

何啻姮娥婦

Hà thí Hằng Nga phụ

淒涼坐廣寒

thê lương tọa Quảng Hàn

藉愁兮為枕

Tạ sầu hê vi chẩm

煮悶兮為餐

Chử muộn hê vi xan

欲將酒制愁

Dục tương tửu chế sầu

愁重酒無力

Sầu trọng tửu vô lực

欲將花解悶

Dục tương hoa giải muộn

悶壓花無顏

Muộn áp hoa vô nhan

愁悶總為愁悶誤

Sầu muộn tổng vi sầu muộn ngộ

悶愁化作九泉灘

Muộn sầu hóa tác cửu tuyền than

Đại ý: Vẫn là nỗi sầu muộn và nhớ nhung của chinh phụ.

- X -

試瓊笙兮不成響
Thí quỳnh sanh hề bất thành hưởng
抱銀箏兮不忍彈
Bao ngân tranh hề bất nhẫn đàn
思遠塞兮行路難
Sư viễn tái hề hành lộ nan
念征夫兮囊索單
Niệm chinh phu hề nang tác đơn
鵑聲啼落關情淚
Điền thanh đề lạc quan tình lệ
樵鼓敲殘帶慙肝
Tiêu cổ xao tàn đai bại can
不勝憔悴形骸軟
Bất thắng tiêu tụy hình hài nhuyễn
始覺睽離滋味酸
Thủy giác khuê ly tư vị toan
滋味酸兮更辛酸
Tư vị toan hề toan cánh tân
酸辛端的為良人
Toan tân đoan đích vị lương nhân

為良人兮雙妾淚

Vị lương nhân hê song thiếp lệ

為良人兮隻妾身

Vị lương nhân hê chích thiếp thân

妾身不到君征帳

Thiếp thân bất đáo quân chinh trướng

妾淚不到君征巾

Thiếp lệ bất đáo quân chinh cân

惟有夢魂無不到

Duy hữu mộng hồn vô bất đáo

尋君夜夜到江津

Tầm quân dạ dạ đáo giang tân

尋君兮陽台路

Tầm quân hê Dương Đài lộ

會君兮湘水濱

Hội quân hê Tương thủy tân

記得幾番歡會處

Ký đắc kỷ phiên hoan hội xứ

無非一枕夢中春

Vô phi nhất chẩm mộng trung xuân

此身反恨不如夢

Thử thân phản hận bất như mộng

隴水函關與子親

Lũng Thủy, Hàm Quan dữ tử thân

夢去每憎驚更斷

Mộng khứ mỗi tăng kinh cánh đoạn

夢回又慮幻非真

Mộng hồi hựu lự huyền phi chân

惟有寸心真不斷
Duy hữu thốn tâm chân bất đoạn
未嘗頃刻少離君
Vị thường khoảnh khắc thiếu lý quân
心不離君未見君
Tâm bất lý quân vị kiến quân
凭高幾度望征輪
Bằng cao kỷ độ vọng chinh luân
望君何所見
Vọng quân hà sở kiến
江洲滿白蘋
Giang châu mãn bạch tần
燕草披青縷
Yên thảo phi thanh lữ
秦桑染綠雲
Tần tang nhiễm lục vân
南來井邑半兵塵
Nam lai tỉnh ấp bán binh trần
落日平沙鷺一群
Lạc nhật bình sa lộ nhất quần
望君何所見
Vọng quân hà sở kiến
官路短長亭
Quan lộ đoản trường đình
雲間吳樹暗
Vân gian Ngô thụ ám
天際蜀山青
Thiên tế Thục sơn thanh

北來禾黍半荒城

Bắc lai hoà thừ bán hoang thành

微雨江樓笛一聲

Vi vũ giang lầu địch nhất thanh

Đại ý: Nàng vẫn cô đơn và nhung nhớ; trông ngoại cảnh càng thêm buồn; chỉ biết tìm chàng trong giấc mộng.

- XI -

望君何所見

Vọng quân hà sở kiến

崆山葉做堆

Không sơn diệp tố đôi

自飛青野雉

Tự phi thanh dã trĩ

自舞隔江梅

Tự vũ cách giang mai

東去煙嵐慘不開

Đông khứ yên lam thảm bất khai

西風飄薄鳥聲哀

Tây phong phiêu bạc điệu thanh ai

望君何所見

Vọng quân hà sở kiến

河水曲如鉤

Hà thủy khúc như câu

長空數點雁

Trường không số điểm nhạn

遠浦一歸舟

Viễn phố nhất quy châu

西去松楸接斷蕪

Tây khứ tùng thu tiếp đoạn vu

行人微沒隔蒼洲

Hành nhân vi một cách thương châu

望盡天頭又地頭

Vọng tận thiên đầu hựu địa đầu

幾日登樓更下樓

Kỷ nhật đăng lâu cánh há lâu

凍雲阻盡相思眼

Đống vân trở tận tương tư nhân

何處玉關征戰隄

Hà xứ Ngọc quan chinh chiến tưu

恨無長房縮地術

Hận vô trường phòng súc địa thuật

恨無仙子擲巾符

Hận vô tiên tử trịch cân phù

有心誠化石

Hữu tâm thành hóa thạch

無淚可登樓

Vô lệ khả đăng lâu

回首長堤楊柳色

Hồi thủ trường đê dương liễu sắc

悔教夫婿覓封侯

Hối giao phu tể mệnh phong hầu

不識離家千里外
Bất thức ly gia thiên lý ngoại
君心有似妾心不
Quân tâm hữu tự thiếp tâm phâu
君心倘與妾心似
Quân tâm thàng dữ thiếp tâm tự
妾亦於君何怨尤
Thiếp diệc ư quân hà oán vưu
妾心如花常向陽
Thiếp tâm như hoa thường hướng dương
只怕君心如流光
Chỉ phạ quân tâm như lưu quang
流光一去不復照
Lưu quang nhất khứ bất phục chiếu
花為流光黃又黃
Hoa vị lưu quang hoàng hựu hoàng
花黃更向誰邊笑
Hoa hoàng cánh hướng thùy biên tiếu
流光不肯一迴照
Lưu quang bất khảng nhất hồi chiếu
黃花卻為流光老
Hoàng hoa khước vi lưu quang lão
黃花老兮落滿牆
Hoàng hoa lão hê lạc mãn tường
花落如今經幾霜
Hoa lạc như kim kinh kỷ sương

Đại ý: Nhớ nhung lắm thì sinh ngộ, nàng phân vân

*không biết chồng còn thương yêu nàng không, và có nhớ
nàng như nàng hằng nhớ chàng không.*

- XII -

庭蘭兮已摘

Đình lan hề dĩ trích

江藻兮又芳

Giang tảo hề hựu phương

攝衣步前堂

Nhiếp y bộ tiền đường

仰目觀天章

Ngưỡng mục quan thiên chương

纖雲時彷彿

Tiêm vân thời phảng phất

北斗忽低昂

Bắc đẩu hốt đề ngang

河水翻明滅

Hà thủy phiên minh diệt

參躔乍現藏

Sâm triên sạ hiện tàng

月照兮我床

Nguyệt chiếu hề ngã sàng

風吹兮我牆

Phong xuy hề ngã tường

玉顏隨年削

Ngọc nhan tùy niên tước

丈夫猶他方

Trượng phu do tha phương

昔為形與影

Tích vi hình dử ảnh

今為參與商

Kim vi Sâm dử Thương

君邊雲擁青絲騎

Quân biên vân ủng thanh ty kỵ

妾處苔生嚮屨廊

Thiếp xứ đài sinh Hường điệp lang

廊內春風日將歇

Lang nội xuân phong nhật tương yết

可憐誤盡良時節

Khả lân ngộ tận lương thời tiết

良時節姚黃魏紫嫁東風

Lương thời tiết Diêu hoàng Ngụy tử giá Đông phong

良時節織女牛郎會明月

Lương thời tiết Chúc nữ Ngưu lang hội minh nguyệt

昨日未笄西家娘

Tạc nhật vị kê Tây gia nương

今年已歸東鄰倩

Kim niên dĩ quy Đông lân thiến

可憐兔守一空房

Khả linh thố thủ nhất không phòng

年年誤盡良時節

Niên niên ngộ tận lương thời tiết

良時節兮忽如梭

Lương thời tiết hề hốt như thoa

人世青春容易過

Nhân thế thanh xuân dung dị qua

況復是春悶未消秋恨續

Huống phục thị xuân muộn vị tiêu thu hận tục

況復是合歡更少別愁多

Huống phục thị hợp hoan cánh thiếu biệt sầu đa

別愁秋恨兩相磨

Biệt sầu thu hận lưỡng tương ma

蒲柳青青能幾何

Bồ liễu thanh thanh năng kỷ hà

空嘆惜淚咨嗟

Không thán tích lệ tư ta

只怕白到文君頭空嘆惜

Chỉ phạ bạch đáo Văn Quân đầu không thán tích

只恐花到潘郎鬢浪咨嗟

Chỉ khủng hoa đáo Phan lang mấn lãng tư ta

嘆惜何以為顏色猶紅如嫩花

Thán tích hà dĩ vi Nhan sắc do hồng như nộn hoa

咨嗟何以為

Tư ta hà dĩ vi

光陰一擲無回戈

Quang âm nhất trịch vô hồi qua

咨命薄惜年花

Tư mệnh bạc tích niên hoa

紛紛少婦幾成蟠

Phân phân thiếu phụ kỷ thành bà

香閣重懷陪笑臉

Hương các trùng hoài bồi tiếu kiếm

花樓尚記解香羅

Hoa lâu thượng ký giải hương la

恨天不與人方便

Hận thiên bất dữ nhân phương tiện

底事到今成坎珂

Để sự đáo kim thành khảm kha

坎珂坎珂知奈何

Khảm kha khảm kha tri nại hà

為妾嗟兮為君嗟

Vị thiếp ta hê vị quân ta

Đại ý: Nàng lo sợ nhan sắc chóng tàn trong lúc chưa tái ngộ chồng.

- XIII -

君不見野外雙鴛鴦

Quân bất kiến dã ngoại song uyên ương

甘心不忍兩分張

Cam tâm bất nhẫn lưỡng phân trương

又不見樑間雙燕燕

Hựu bất kiến lương giang song yến yến

白首何曾忘眷戀

Bạch thủ hà tằng vong quyến luyến

鵲鵲也無情

Kiên kiên dã vô tình

比翼相隨過一生
Tỷ dực tương tùy quá nhất sinh
蛩蛩也無知
Cùng cùng dã vô tri
並驅到老不相違
Tĩnh khu đảo lão bất tương vi
路柳曾傳連理處
Lộ liễu tằng truyền liên lý xứ
池蓮亦有並頭時
Tri liên diệc hữu tĩnh đầu thời
負蟹兮駟驢
Phụ quyết hề cự hư
抱蘿兮菟絲
Bào la hề thố ty
何人生之相違
Hà nhân sinh chi tương vi
嗟物類之如斯
Ta vật loại chi như tư
安得在天為比翼鳥
An đắc tại thiên vi tỷ dực điều
在地為連理枝
Tại địa vi liên lý chi
寧甘死相見
Ninh cam tử tương kiến
不忍生相離
Bất nhẫn sinh tương ly
雖然死相見
Tuy nhiên tử tương kiến

曷若生相隨

Hạt nhược sinh tương tùy

安得君無老日

An đắc quân vô lão nhật

妾常少年

Thiếp thường thiếu niên

願為影兮隨君邊

Nguyện vi ảnh hê tùy quân biên

君有行兮影不遠

Quân hữu hành hê ảnh bất viễn

君依光兮妾如願

Quân y quang hê thiếp như nguyện

Đại ý: Nàng so bì với các loài có đôi có bạn trong trời đất, tự hỏi sao nàng phải lẻ loi. Nhưng rồi nàng hồi tâm vì nghĩ chồng đang thi hành nghĩa vụ nam nhi trong thời ly loạn. Rồi nàng nguyện làm tròn bốn phận và giữ vẹn lòng chờ chàng trở về.

- XIV -

願君許國心如丹

Nguyện quân hứa quốc tâm như đan

願君庇民身如鐵

Nguyện quân tỵ dân thân như thiết

饑來吞下月氏頭

Cơ lai thôn hạ Nhục Chi đầu

渴來飲下單于血
Khát lai ẩm hạ Thiên Vu huyết
何幸期門鋒刃中
Hà hạnh Kỳ môn phong nhẫn trung
老天著意護英雄
Lão thiên trước ý hộ anh hùng
護英雄百戰功
Hộ anh hùng bách chiến công
長驅駟馬靜關東
Trường khu tứ mã tịnh Quan Đông
關東關北休傳箭
Quan Đông Quan Bắc hưu truyền tiễn
山尾山頭早掛弓
Sơn vĩ sơn đầu tảo quai cung
捷色旌旗辭塞月
Tiệp sắc tinh kỳ từ tái nguyệt
凱歌將士背邊風
Khải ca tướng sĩ bối biên phong
勒詩兮燕然石
Lặc thi hê Yên Nhiên thạch
獻馘兮未央宮
Hiến quắc hê Vị Ương cung
未央宮兮向天朝
Vị Ương cung hê hướng thiên triều
挽銀河兮洗刀弓
Vãn Ngân hà hê tẩy đao cung
詞人刪下平淮頌
Từ nhân san hạ Bình Hoài Tụng

樂府歌傳入漢謠

Nhạc phủ ca truyền nhập Hán dao

凌煙閣兮秦叔寶

Lăng Yên các hể Tần Thúc Bửu

麒麟台兮霍嫖姚

Kỳ Lân đài hể Hoắc Phiêu Diêu

天長地久茅苴券

Thiên trường địa cửu mao thư khoán

子蔭妻封爵祿標

Tử ảm thê phong tước lộc tiêu

有愁兮此日

Hữu sầu hể thử nhật

得意兮來時

Đắc ý hể lai thời

Đại ý: Nàng đem điều chính nghĩa thâm khuyên chồng, mong chàng hãy gắng sức giúp nước cứu dân, và cầu mong cho chàng chiến thắng khai hoàn.

- XV -

妾非蘇家癡心婦

Thiếp phi Tô gia si tâm phụ

君亦洛陽好男兒

Quân diệc Lạc dương hảo nam nhi

歸來倘佩黃金印

Quy lai thảng bội hoàng kim ấn

肯學當年不下機

Khảng học đương niên bất há ky

願為君兮解征衣

Nguyên vi quân hề giải chinh y

願為君兮捧霞卮

Nguyên vi quân hề bồng hà chi

為君梳櫛雲鬟髻

Vi quân sơ trát vân hoàn kế

為君粧點玉臙脂

Vi quân trang điểm ngọc yên chi

取君看兮舊淚帕

Thủ quân khan hề cựu lệ phạ

訴君聽兮舊情詞

Tổ quân thính hề cựu tình từ

舊情詞兮換新聯

Cựu tình từ hề hoán tân liên

語新話舊兮酒杯前

Ngữ tân thoại cựu hề tửu bôi tiền

淺斟兮慢慢

Thiển châm hề mạn mạn

底唱兮連連

Đê xướng hề liên liên

斟不斟兮蒲城釀

Châm bất châm hề Bồ thành nhượng

唱不唱兮紫騮篇

Xướng bất xướng hề Tử lưu thiên

願斟九醞兮唱雙聯

Nguyên châm cửu uấn hề xướng song liên

與君整頓兮舊姻緣

Dữ quân chinh đốn hê cựu nhân duyên

交頸成雙到老天

Giao kinh thành song đáo lão thiên

償了功名離別債

Thường liễu công danh ly biệt trãi

相憐相守太平年

Tương liên tương thủ thái bình niên

太平年願君止戈置

Thái bình niên nguyện quân chi qua trí

若然此別妾何淚

Nhược nhiên thử biệt thiếp hà lệ

將會之期將寄言

Tương hội chi kỳ tương ký ngôn

嗟乎丈夫當如是

Ta hồ trượng phu đương như thị.

Đại ý: Chinh phụ mơ ước chống chiến thắng khái hoàn, chiến công hiển hách, quyền cao lộc cả, gia đình đoàn tụ, vui hưởng cảnh thái bình trọn đời.

BẢN DIỄN NÔM

I. Thiên Địa Phong Trần

1. Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.
Xanh kia thăm thẳm tầng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.

5. Trống Trường Thành lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây.
Chín tầng gương báu trao tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.
Nước thanh bình ba trăm năm cũ.

10. Áo nhung trao quan vũ từ đây.
Sứ trời sớm giục đường mây,
Phép công là trọng, niềm tây sá nào.

Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng bạn thê noa.

15. Bóng cò tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.
Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
Thành liền mong tiến bệ rồng,

20. Thuốc gương đã quyết chẳng dung giặc trời.
Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.
Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vị, ào ào gió thu.

II. Quyển Luyến Lúc Chia Tay

25. Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dằng dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,

30. Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước dây dây lại dừng.
Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi,
Dạ chàng xa tìm cội Thiên San.

35. Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.
Săn Lô Lan, rằng theo Giới Tử,
Tới Man Khê, bàn sự Phục Ba.
Áo chàng đỏ tựa ráng pha,

40. Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
Hà Lương chia rẽ đường này,
Bên đường, trông bóng cờ bay ngùi ngùi.

45. Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu,
Kỵ sau còn khuất nẻo Tràng Dương.
Quân đưa chàng ruổi lên đường,
Liễu dương biết thiệp đoạn trường này chăng.
Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,

50. Hàng cờ bay trong bóng phát phơ.
Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nổi nhà.
Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng cũ gối chăn.

55. Đoái trông theo đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.
Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.

Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương,

60. Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.

III. Lo Âu Cho Người Đi Chinh Chiến

65. Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm trăng này nghỉ mát phương nao.
Xưa nay chiến địa đường bao,
Nội không muôn dặm xiết bao dài dàu.
Hơi gió lạnh, người râu mặt dạn,

70. Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon.
Ôm yên gối trống đã chôn,
Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.
Nay Hán xuống Bạch Thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh Hải dòm qua.

75. Hình khe, thế núi gần xa,
Dứt thôi lại nổi, thấp đà lại cao.
Sương đầu núi buổi chiều như gội,
Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.
Thương người áo giáp bấy lâu,

80. Lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuây.
Trên trướng gấm thấu hay chẳng nhẽ,
Mặt chinh phu ai vẽ cho nên.
Tuồng chàng giong ruổi mấy niên,
Chẳng nơi hân hải thì miền Tiêu Quan.

85. Đã trắc trở đòi ngàn xà hổ,
Lại lạnh lùng những chỗ sương phong.
Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương!
Chàng từ sang Đông Nam khơi nẻo,

90. Biết nay chàng tiến thảo nơi đâu.
Những người chinh chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây.

IV. Phận Trai Rong Ruổi Chiến Trường

Nức hơi mạnh, ớn dầy từ trước,
Trái chốn nghèo, tuổi được bao nhiêu.

95. Non Kỳ quạnh quẽ trắng treo,
Bến Phì gió thổi điu hiu mấy gò.
Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trắng đôi đôi soi.
Chinh phu tử sĩ mấy người,

100. Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn.

Dấu binh lửa, nước non như cũ,
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương.
Phận trai già ruổi chiến trường,
Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về.

105. Tưởng chàng trải nhiều bể nắng nỏ,
Ba thước gương, một cổ nhung yên.
Xông pha gió bãi trắng ngàn,
Tên reo đầu ngựa, giáo dan mặt thành.
Áng công danh trăm đường rộn rã,

110. Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.
Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay.

115. Những mong cá nước sum vầy,
Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
Chàng há từng học lũ vương tôn.
Cớ sao cách trở nước non,

120. Khiến người thôi sớm thì hôm những sầu.

VII. Mong Mỏi Chông Trở Về

Khách phong lưu đương chùng niên thiếu,

Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên.
Nỡ nào đôi lứa thiếu niên,
Quan sơn để cách, hàn huyền bao đành.

125. Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về, ước nẻo quyên ca.
Nay quyên đã giục, oanh già,
Ý nhi lại gáy trước nhà liú lo.
Thuở đăng đồ, mai chưa dạn gió,

130. Hỏi ngày về, chi độ đào bông.
Nay đào đã quện gió Đông,
Phù dung lại đã bên sông bơ sờ.
Hẹn cùng ta: Lũng Tây nham ấy,
Sớm đã trông, nào thấy hơi tăm.

135. Ngập ngừng, lá rụng cành trâm,
Thôn trưa nghe dậy tiếng cầm lao xao.
Hẹn nơi nao, Hán Dương cầu nọ,
Chiều lại tìm, nào thấy tiêu hao?
Ngập ngừng gió thổi chéo bào,

140. Bãi hôm tuôn dấy nước trào mệnh mông.
Tin thường lại, người không thấy lại,
Gốc hoa tàn đã trải rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Sân đi một bước, trăm tình ngẩn ngơ.

145. Thu thường tới, người không thấy tới,
Bức rèm thưa lẩn dãi bóng dương.
Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Lời sao mười hẹn, chín thường đơn sai.

VIII. Cha Mẹ Mong Con, Vợ Mong Chồng

Thử tính lại diễn khơi ngày ấy,

150. Tiền sen này đã nẩy là ba.
Xót người lần lửa ái xa,
Xót người nương chốn hoàng hoa đậm dài.
Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kìa lão thân khuê phụ nhớ thương.

155. Mẹ già phơ phát mái sương,
Con thơ măng sữa, vả đương phù trì.
Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam,

160. Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.
Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao!
Nhớ chàng trái mấy sương sao,
Xuân từng đổi mới, Đông nào còn dư.

165. Kể năm đã ba tư cách diễn,

Mối sầu thêm nghìn vạn ngọn ngang.
Ước gì gần gũi tác gang,
Giải niềm cay đắng để chàng tỏ hay.

IX. Nỗi Cô Đơn Khi Chồng Vắng Nhà

Toa cung Hán thuở ngày xuất giá,

170. Gương lầu Tần dấu đã soi chung.
Cậy ai mà gửi tới cùng,
Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.
Nhấn đeo tay mọi khi ngắm nghía,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.

175. Cậy ai mà gửi tới nơi,
Để chàng trân trọng dấu người tương thân.
Trái mấy Xuân, tin đi tin lại,
Tới Xuân này tin hãy vắng không.
Thấy nhận, luống tưởng thư phong,

180. Nghe hơi sương, sấm áo bông sẵn sàng.
Gió Tây nổi không đường hồng tiện,
Xót cõi ngoài tuyết quện mưa sa.
Màn mưa trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.

185. Để chữ gấm, phong thôi lại mở,
Gieo bói tiền tin dở còn ngờ.

Trời hôm tựa bóng ngấn ngơ,
Trăng khuya nương gối bơ phờ tóc mai.
Há như ai, hồn say bóng lẫn,

190. Bồng thơ thơ thần thần như không.
Trâm cài, xiêm thắt thẹn thùng,
Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo.
Đạo hiên vắng thăm gieo từng bước,
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.

195. Ngoài rèm thuốc chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?
Đèn có biết, dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,

200. Hoa đèn kia với bóng người khá thương!

X. Nhớ Nhung Người Ở Phương Xa

Gà eo óc gáy sương năm trống,
Hoè phát phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng như niên,
Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa.

205. Hương gương đốt, hồn đà mê mải,
Gương gương soi, lệ lại chứa chan.
Sắt cầm gương gãy ngón đàn,

Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

210. Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.

Non Yên dù chẳng tới miền,

Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.

215. Cảnh buồn người thiết tha lòng,

Cảnh cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.

Sương như búa bổ mòn gốc liễu,

Mưa dường thưa xẻ héo cành ngô.

Giọt sương phủ bụi chim gù,

220. Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.

Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,

Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.

Lá màn lay ngọn gió xuyên,

Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.

XI. TỬ THÂN NGHĨ ĐẾN PHẬN MÌNH

225. Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.

Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,

Trước hoa, dưới nguyệt, trong lòng xiết đau.

Đâu xiết kể, muôn sáu nghìn nào,

230. Từ nữ công, phụ xảo đều nguôi.
Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
Oanh đôi then dệt, bướm đôi ngai thua.
Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều, dòm đôi nương song.

235. Nương song luống ngẩn ngơ lòng,
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?
Biếng trang điểm, lòng người sầu tui,
Xót nỗi chàng, ngoài cội Giang Lăng.
Khác gì ả Chức, chị Hằng,

240. Bến Ngân sùi sụt, cung trăng chốc mòn.
Sầu ôm nặng, hãy chồng làm gối,
Buồn chứa đầy, hãy thổi làm cơm.
Mượn hoa, mượn rượu giải buồn,
Sầu làm rượu nhạt, mượn làm hoa ôi.

XII. Mơ Gặp Được Chồng

245. Gõ sanh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đàn tranh mấy phím rời tay.
Xót người hành dịch bấy nay,
Dặm xa mong mỏi hết đây lại voi.
Ca quyên ghẹo, làm rơi nước mắt,

250. Trống tiêu khua, như rút buồng gan.
Vỡ vàng đổi khác dung nhan,

Khuê ly mới biết tân toan đường này.
Ném chua cay tẩm lòng mới tỏ,
Chua cay này, há có vì ai.

255. Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bể.
Thân thiếp chẳng gần kẻ dưới trướng,
Lệ thiếp nào chút vương bên khăn.
Duy còn hồn mộng được gần,

260. Đêm đêm thường đến Giang Tân tìm người.
Tìm chàng thuở Dương Đài lối cũ,
Gặp chàng nơi Tương phố bến xưa.
Sum vầy mấy lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng Xuân.

XIII. Tiếc Rẻ Khi Tỉnh Mộng

265. Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
Được gần chàng bến Lũng, thành Quan.
Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng, muôn vàn cũng không!
Duy có một tẩm lòng chẳng dứt,

270. Vốn theo chàng giờ khắc nào ngòi.
Lòng theo nhưng chưa thấy người,
Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe
Trông bến Nam, bãi che mặt nước,

Cỏ biếc um, dầu muốt ngàn xanh.

275. Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.
Trông đường Bắc, đôi chòm quán khách,
Mây rà cây xanh ngắt núi non.
Lúa thành thoi thóp bên cồn,

280. Nghe thôi ngọc địch véo von bên lầu.
Non Đông thấy lá hầu chất đồng,
Trĩ xập xoè, mai cũng bẻ bai.
Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió lạc loài kêu thương.

XIV. Nỗi Lòng Người Chinh Phụ

285. Lũng Tây thấy nước đường uốn khúc,
Nhạn liệng không, sóng giục thuyền câu.
Ngàn thông chen chúc chòm lau,
Cách duênh thấp thoáng người đầu đi về.
Trông bốn bề chân trời mặt đất,

290. Lên xuống lầu thăm thoát đòi phen.
Lớp mây ngừng mắt ngại nhìn,
Biết đâu chinh chiến là miền Ngọc Quan.
Gậy rút đất dễ khôn học chúc,
Khăn gieo cầu nào được thấy tiên.

295. Lòng này hóa đá cũng nên,
E không lệ ngọc mà lên trông lâu.
Lúc ngoảnh lại ngấm màu dương liễu,
Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong.
Chẳng hay muôn dặm ruổi giông,

300. Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chẳng.
Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa.
Hương dương lòng thiếp như hoa,
Lòng chàng lẩn thẩn e tà bóng dương.

305. Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
Trái xem hoa rụng đêm sương mấy lần.

XV. Mỏi Mòn Chờ Chông

Chôi lan nọ trước sân đã hái,

310. Ngọn tần kia bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm đạo bước tiền đường,
Ngựa trông xem vẻ thiên chương thần thờ.
Bóng Ngân Hà khi mờ khi tỏ,
Độ Khuê triển buổi có buổi không.

315. Thúc mây đòi lúc nhạt nồng,

Chuôi sao Bắc Đẩu thôi Đông lại Đoài.
Mặt trăng tỏ thường soi bên gối,
Bùng mắt trông sương gọi cảnh ngò.
Lạnh lòng thay bấy chiều thu,

320. Gió may hiu hắt trên đầu tường vôi.
Một năm một nhật mùi son phấn,
Trượng phu còn thơ thẩn miên khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
Bây giờ nỡ để cách vời Sầm Thương.

325. Chàng ruối ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp đạo hài lâu cũ rêu in.
Gió Xuân ngày một vắng tin,
Khá thương lỡ hết mấy phen lương thì.
Xảy nhớ khi cảnh Diêu đóa Ngự,

330. Trước gió xuân vàng tía sánh nhau.
Nọ thì ả Chức chàng Ngưu,
Tối trăng thu lại bắc cầu sang sông.
Thương một kẻ phòng không luống giữ,
Thời tiết lạnh lắm lỡ đòi nhau.

335. Thoi đưa ngày tháng ruối mau,
Người đời thấm thoát qua màu xuân xanh.

XVI. Nhan Sắc Phai Tàn Vì Sầu Nhớ

Xuân thu để giận quanh ở dạ,
Hợp ly đành buồn quá khi vui.
Oán sầu nhiều nỗi tới bởi,

340. Vóc bỏ liễu dễ ép nài chiều xuân.
Kìa Văn Quân mỹ miều thuở trước,
E đến khi đầu bạc mà thương.
Mặt hoa nọ gã Phan Lang,
Sợ khi mái tóc pha sương cũng ngừng.

345. Nghĩ nhan sắc đương chùng hoa nở,
Tiếc quang âm lần lửa gieo qua.
Nghĩ mệnh bạc, tiếc niên hoa,
Gái tơ mấy chốc xảy ra nạ dòng.
Gác nguyệt nọ mơ màng về mặt,

350. Lầu hoa kia phảng phất hơi hương.
Trách trời sao để lỡ làng,
Thiếp rầu thiếp lại rầu chàng chẳng quên.
Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội,
Cũng dập diu, chẳng vội phân trương.

355. Chẳng xem chim yến trên rường,
Bạc đầu không nở đôi đường rẽ nhau.
Kìa loài sâu đôi đầu cùng sánh,
Nọ loài chim chấp cánh cùng bay.

Liều, sen là thức cỏ cây,

360. Đôi hoa cùng sánh, đôi dây cùng liền.

Ấy loài vật tình duyên còn thế,

Sao kiếp người nỡ để đây đây?

Thiếp xin muôn kiếp sau này,

Như chim liền cánh, như cây liền cành.

XVII. Mơ Tưởng Ngày Chồng Thắng Trận Trở Về

365. Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,

Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.

Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,

Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.

Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,

370. Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.

Chàng nương vầng nhật, thiếp nguyện,

Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.

Lòng hứa quốc tựa son ngần ngắt,

Sức tỵ dân dường sắt tri tri.

375. Máu Thuyền Vu, quắc Nhục Chi,

Ấy thì bữa uống, ấy thì bữa ăn.

Mũi dòng vác đòi lần hăm hờ,

Đã lòng trời gìn giữ người trung.

Hộ chàng trăm trận nên công,

380. Buồng tên ái Bắc, treo cung non Đoài.
Bóng kỳ xí giả ngoài quan ái,
Tiếng khải ca trở lại Thần Kinh.
Đình non khắc đá đề danh,
Triều thiên vào trước cung đình dâng công.

385. Nước duênh Hán việc dòng rửa sạch,
Khúc nhạc từ réo rất lừng khen.
Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền,
Tên ghi gác Khói, tượng truyền đài Lân.
Nền huân tướng đại cân rạng vẻ,

390. Chữ đồng hưu bia để nghìn đông.
Ơn trên từ ấm thê phong,
Hiển vinh thiếp cũng đơm chung hương trời.

XVIII. Mơ Tưởng Đang Đối Thoại Với Chồng

Thiếp chẳng đại như người Tô phụ,
Chàng hản không kém lữ Lạc Dương.

395. Khi vẽ chẳng quả ấn vàng,
Trên khung cửu dám đẩy duồng làm cao.
Xin vì chàng xếp bào cời giáp,
Xin vì chàng giữ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng,

400. Vì chàng điểm phấn đeo hương nào nùng.

Giờ khăn lệ, chàng trông từng tấm,
Độc thơ sầu, chàng thẩm từng câu.
Câu vui đối với câu sầu,
Rượu khà cùng kẻ trước sau mọi lời.

405. Sẻ rót vui lẫn lẫn từng chén,
Sẻ ca dần ren rén đòi liên.
Liên ngâm đối ẩm đòi phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
Cho bỏ lúc xa sầu, cách nhớ,

410. Giữ gìn nhau vui thưở thanh bình.
Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Đường này âu hẩn tài lành trượng phu.

Phụ Lục

BẢN DỊCH MỚI CHINH PHỤ NGÂM KHÚC CỦA ĐẶNG TRẦN CÔN

Một điều thú nhận khó chối cãi, tôi không thích những bản thơ chữ Hán được dịch sang thể lục bát hoặc song thất lục bát, vậy nên, dù bản “Chinh phụ ngâm khúc” của Đặng Trần Côn do Đoàn Thị Điểm diễn Nôm hay tới cỡ nào đi chăng nữa cũng không làm tôi bị lay động (Nhiều học giả cho rằng đó là bản diễn Nôm của Phan Huy Ích).

Âm hưởng của nguyên tác là sự kết hợp giữa sự bi tráng của thơ biên tái với nỗi buồn day dứt của dòng thơ chinh phụ, trong khi ấy bản diễn Nôm của Đoàn Thị Điểm thiếu đi âm hưởng bi tráng mà chỉ đậm đặc nỗi sầu chinh phụ

Âu cũng là bởi nhịp điệu mềm mại và giàu tính nữ của thể thơ lục bát và song thất lục bát. Ấy bởi vậy mà các truyện thơ, các khúc âm viết ở hai thể thơ này đều lấy đối tượng người nữ hoặc những câu chuyện tình suốt mướt làm chủ thể. Đương nhiên, đây chỉ là nhận định của riêng tôi, người xưa chọn hình thức thơ ấy

có thể vì nhiều nguyên do khác: vì sở thích, vì quen tai, vì cho rằng đó là đại diện cho tinh thần dân tộc...

Tôi vẫn nghĩ đến việc dịch mới “Chinh phụ ngâm khúc” sao cho tác phẩm này thoát khỏi tính nữ của thể song thất lục bát, trước mắt là để thỏa cái sự nhàm tai với lối vần điệu khiên cưỡng của thể thơ này, sau nữa là hi vọng mình tạo ra một âm hưởng khác gần gũi với nguyên tác hơn, tức là vừa thể hiện được sự bi tráng của chinh phu lại vừa phác được nỗi sầu của chinh phụ. Tôi giữ lại nhịp điệu trong thể cổ phong liên vận mà Đặng Trần Côn sử dụng, lược bớt các điển cố điển tích không cần thiết mà thay bằng ý nghĩa chúng phản ánh để phù hợp với người đọc hiện đại, để “Chinh phụ ngâm khúc” có hình hài của lối thơ tự do không bị gò bó bởi niêm luật.

Ý định này tôi đã ấp ủ từ khi viết phần 1 tiểu thuyết “Thiên địa phong trần”, nhưng lúc ấy tôi xét thấy lối dịch của mình có thể không thích hợp với không khí cổ mà tôi cố gắng xây dựng trong truyện, nên tôi đã chọn một bản diễn Nôm “Chinh phụ ngâm khúc” xuất sắc khác mà ít người biết đến, đó là bản của Nguyễn Khán.

Rất cục, động cơ khiến tôi buộc phải tự ép mình dịch “Chinh phụ ngâm khúc” lại đến từ việc tôi phải có một bản dịch hiện đại để những người bạn thân thiết của tôi vốn không ưa thích thể thơ dân tộc có thể đọc được, và đồng thời cũng là để làm học liệu môn văn cho con gái tôi đang trong quá trình homeschool.

Trong bản dịch của tôi, tôi vẫn giữ chia đoạn của ông Hoàng Xuân Hãn trong “Chinh phụ ngâm bị khảo”, tôi sẽ đổi tên các tiêu đề để phù hợp với ngôn ngữ của tôi và cách lý giải của tôi về “Chinh phụ ngâm khúc”.

Bản dịch này có thể chưa hoàn hảo và sẽ có chỉnh sửa dần trong tương lai, nhưng tôi vẫn đăng lên đây để độc giả đọc chơi và biết đâu lại chẳng khuyến khích thêm nhiều dịch giả trẻ dịch lại “Chinh phụ ngâm khúc” theo lối mới thay vì cứ trói buộc bản thân trong “thể thơ dân tộc”.

Loạn Thế

Gió bụi lộng thời
Nổi chìm phận gái
Vời vợi trời xanh kia nổi bởi ai
Trăng Trường Thành âm vang trống trận
Mây Cam Tuyền hắt ánh khói bay
Cửu Trùng chống kiếm mong khởi sự
Nửa đêm ban hịch truyền tướng quân
Thiên hạ thái bình nay đã hết
Từ đây chiến bào lại khoác lên
Sứ trời sớm giục chiêu binh mã
Chàng nặng lòng quân nhẹ việc nhà
Cung tên kia đeo lưng
Vợ con kia dứt lòng
Pháp phối cờ bay kia sáu cất bước
Inh ỏi nhạc quân kia oán trông mong

Dầu oán thôi đành xa
Dầu sầu thôi đành dứt
Chàng mới đôi mươi dòng hào kiệt
Bỏ bút nghiên kìa theo kiếm cung
Quyết đoạt liên thành đền ơn chúa
Nguyện vung gươm báu diệt giặc cuồng
Trượng phu ngàn dặm chí quyết tử
Sớm coi tính mệnh tựa lông hồng
Rời bỏ ấm êm theo chinh chiến
Quất ngựa hò reo ngọn Tây phong

Tiến biệt

Nước dưới cầu xanh trong quá
Nước xanh vây cỏ xanh xanh
Tiễn chàng đi ôi buồn dằng dặc
Chàng ruổi rong ôi thiếp hận chẳng như ngựa
Chàng lên đênh ôi thiếp hận chẳng bằng thuyền
Con nước vời xanh xanh
Nào gột hết lòng sầu
Ngọn cỏ dầu xanh xanh
Nào nguôi được tim đau
Lời trao lời ôi chẳng rời tay
Bước mỗi bước ôi còn níu áo
Thiếp nguyện hóa trăng đôi bước chàng
Thiên Sơn lòng chàng bay ngàn dặm
Rượu tràn lệ kìa gươm loang loáng
Ngang ngọn giáo kìa nơi hang hùm
Theo đòi Giới Tử đoạt Lâu Lan

Ngạo nhăm Man Khê noi Mã Viện
Áo chàng đỏ tựa ráng chiều tà
Ngựa chàng trắng tựa sắc tuyết pha
Ngựa phi kìa leng keng
Trống reo kìa đi rồi
Nấn ná mãi ôi chẳng rời
Mà bất chợt ôi phân ly
Phân ly ôi cách biệt
Dùng dằng ôi ngóng nhìn
Ngóng nhìn xa xăm kìa cò bay bay
Xe trước này Bắc Tể Liễu
Ngựa sau này Tây Trường Dương
Xuất chinh xe ngựa đã lên đường
Đứt lòng thiếp liễu dương nào thấu
Bời bời mai rụng âm dần bật
Xa xa cò chiến sắc đã mờ
Ngóng mây bay ôi chàng biệt thiếp
Trông núi lại ôi thiếp đợi chàng.
Chàng viễn chinh kìa ngoài mưa gió
Thiếp lại về kìa quạnh thâm đêm
Đôi ta cùng ngoái đầu
Mây xanh kìa giăng núi
Chàng trông thiếp ôi Hàm Dương
Thiếp ngóng chàng ôi Tiêu Tương
Khói Hàm Dương chẳng phủ sông Tương
Cùng ngoái cùng không gặp
Xanh xanh mấy ngàn dâu
Mấy ngàn dâu mấy ngàn dâu

Lòng chàng ý thiếp đứt ruột sầu

Dĩ theo

Từ lúc chàng bước vào gió cát
Trăng sáng nào biết chàng nơi nao
Xưa nay ra chiến trận
Vạn dặm chẳng ai về
Gió ào ào ôi thốc dung nhan tiêu tụy
Nước sâu sâu ôi e tuần mã chùn chân
Lính ải tựa trống nằm bãi mộ
Chiến sĩ ôm ngựa ngủ rừng hoang
Sớm nay đất Hán thành Bạch Đằng
Ngày sau cõi Hồ miền Thanh Hải
Miền Thanh Hải núi xanh cao lại thấp
Núi xanh tiếp suối xanh đứt lại liền
Trên núi xanh tuyết phủ đầy
Dưới suối xanh nước ngập đầy
Xót xa chàng chỉ tám giáp thôi
Nhớ nhung quê cũ sầu chau mặt
Trướng gấm quân vương nào biết đây
 Gian nan ai họa vẽ chinh phu
Lo thân chàng chìm nổi xa xôi
Hết đại mạc lại góc bể
Thôn sương điểm lạnh
Hang hùm miệng rắn
Ăn gió nằm sương
Dầm tuyết uống băng
Lên lầu trông mây chuyển

Bất chợt lòng sầu tuôn
Ài đồng nam ngày ấy chàng đi
Nào hay chàng chinh chiến chốn nao
Xưa nay khách chinh phu
Tính mệnh nhẹ cỏ cây
Dưới mũi giáo nhủ mình xốc áo đèn ơn chúa
Trong phút giây chẳng nề ngang kích nguyện liễu thân
Kỳ Sơn mã cũ trắng mênh mang
Phì Thủy mộ mới gió lạnh lòng
Gió lạnh lòng lỏng lộng hồn tử sĩ
Trắng mênh mang soi rõ mặt chinh phu
Mặt chinh phu này ai phác nét
Hồn tử sĩ này ai khóc thương
Thương người chinh chiến non sông cũ
Người đi xa ấy tình đây vơi
Xưa nay chính chiến ai về nhi
Ban Siêu ngày về tóc điểm sương
Lại tưởng chàng ruổi ngựa đường xa
Ba thước kiếm, một yên nhung
Gió thu cỏ héo
Trắng sáng quan san
Đầu ngựa tên reo
Trên thành giáo xếp
Công danh trăm sự rộn
Lao khổ chẳng khắc ngơi

Oán trách

Biết tỏ cùng ai lời sông

Chàng chốn chân trời thiệp tựa song
Tựa song chắc thiệp nay đành phận
Chân trời chàng há lẽ tồn vong
Thư riêng qua lại duyên cá nước
Chịu sao biền biệt chốn nước mây
Phận thiệp ngõ đâu đời chinh phụ
Thân chàng theo mãi nghiệp vương công
Cớ gì sông Nam sang sông Bắc
Khiến người sầu sớm lại sầu đêm
Người thì phong lưu trang niên thiếu
Kẻ thì khuê nữ tuổi thiếu niên
Chịu sao cùng son trẻ
Vạn dặm lòng nhớ nhung
Lại nhớ cùng chàng trao lời biệt
Vẫn cảnh dương liễu tiếng hoàng oanh
Hỏi chàng ngày trở lại
Chàng hẹn tiếng cuộc về
Cuộc thi bay mất, oanh đà lão
Xanh liễu bên lầu én gọi nhau
Lại nhớ cùng chàng lúc phân ly
Tuyết mai chưa thấy gió đông về
Hỏi chàng ngày trở lại
Chàng chỉ cánh đào tươi
Hoa đào vẫn cột ngọn đông phong
Bên sông mai úa lại phù dung
Hẹn cùng ta nơi ấy
Này nhớ chốn Lũng Tây
Ngày qua ôi nào thấy

Lá vàng rụng xuống trâm
Nức nở uống ngóng trông
Thôn vắng vọng đàn trưa
Hẹn cùng ta nơi ấy
Hẹn bên cầu Hán Dương
Ngày tàn ôi chẳng thấy
Gió núi tốc áo bào
Nức nở uống ngóng trông
Sông lạnh trào con sóng
Năm xưa gửi tin mong chàng đáp
Năm nay gửi tin mong chàng về
Thấy tin người chẳng thấy
Lác đác liễu rụng phủ rêu mờ
Rêu mờ rêu mờ lại rêu mờ
Mỗi bước loanh quanh vò trâm mối
Năm xưa thư đến thiếp mõi mòn
Năm nay thư đến thiếp chờ trông
Thư về người chẳng về
Rèm thưa lặng lẽ bóng chiều sang
Bóng chiều bóng chiều lại bóng chiều
Mười hẹn mà nay chín hẹn lắm

Gửi gắm

Ngày qua ngày lại thêm ngày nữa
Nào hay sen đã nở ba lần
Cay đắng ải mờ người lận đận
Cay đắng vạ dặm cúc xa xăm
Cúc biên cương ai chẳng người thân thích

Khách chinh phu ai không kẻ ngóng chờ
Có mẹ cha đành lòng chia biệt
Có vợ yêu đành cậy trông nom
Song thân tóc đã điểm sương mai
Con thơ tuổi còn đương bú mớm
Song thân ơ tựa cửa
Con thơ ơ khóc đòi
Phụng mẹ cha ôi thiếp thay chàng
Dạy con thơ ôi thiếp là cha
Mẹ cha con nhỏ một thân
Lòng đau nhưng nhớ xiết bao lần
Nhớ chàng ngày cũ kia đã qua
Nhớ chàng năm mới kia sắp tàn
Chàng nổi chìm hai năm, ba năm lại bốn năm
Thiếp nhớ nhưng trăm mối ngàn mối rồi vụn mối
Ước ao gần gang tấc
Thiếp kể sầu miên man
Này đây trâm cung Hán
Thuở mới kết đôi đã vội tan
Cậy người gửi tình quân
Tỏ lòng này nhưng nhớ
Này đây gương lầu Tần
Thuở cùng chàng đôi bóng ái ân
Cậy ai gửi tình quân
Soi thiếp thân cô lẻ
Này đây lưỡi câu bạc
Trao tay lúc động phòng
Cậy ai gửi tình quân

Gói ghém lòng thương nhớ
Này đây cây lược ngọc
Thơ ấu vẫn đùa vui
Cây ai gửi tình quân
Nâng niu ngày cách mặt.

Đợi chờ

Năm đồn tin tới lại tin đi
Năm nay vắng bật tin chẳng đến
Ngóng nhận uống mong lựa thư đề
Nghe sương vội đan áo bông mềm
Gió thu sao chờ cánh hồng bay
Ngoài trời mưa tấp lại tuyết lay
Tuyết lạnh chàng ôi hổ trưởng
Mưa giá chàng ôi màn lang
Lạnh giá hoài cơ cực
Trời cao có thương cùng
Thơ đề gấm lựa gói lại mở
Tiền gieo quẻ bói tin rồi ngờ
Hoàng hôn le lói mái hiên người lẻ bóng
Trăng khuya vàng vạc chăn đơn tóc xoa mềm
Chẳng như phường say rượu la đà thân túy lúy
Chẳng như kẻ mê đắm hồ đồ trí ngu si
Trâm lệch tóc rơi bờ phờ rỗi
Váy trễ eo mềm mòn mỏi kham
Ngày lặng lẽ tường trưa bước ngả nghiêng
Chiều se sẽ rèm Tương cuốn lựa thưa
Ngoài rèm lên ngóng hỷ thuốc vắng nhật treo cành

Trong rèm ngời thần nổi lòng kể với đèn khuya
Đèn tỏ hay chẳng tỏ
Thiếp sầu chỉ riêng sầu

Sầu

Sầu lại sầu ôi khôn tả xiết
Đèn chong bóng chiếc nặng buồn thương
Eo óc gà kêu năm canh vọng
Phơ phất bóng hòe rủ tám phương
Sầu như biển
Khắc tựa năm
Gượng thấp trầm hương hồn tan loãng khói sương
Gượng soi gương lệ ngọc lã chã cỏ hoa
Gượng ôm đàn tâm động chùng dây loan phượng
Gượng gầy điệu bi thương đứt phím uyên ương
Mượn ngọn đông phong gửi tấm lòng
Ngàn vàng xin gửi đến non Yên
Non Yên dầu chẳng đến
Nhớ chàng dằng dặc ôi đường vô tận
Vô tận chẳng thể đi
Trông chàng vời vợi ôi nhớ miên man
Ngóng người xa xăm lòng đau xót
Lá thu xanh điểm bạc
Dế rí rả mưa buồn
Sương giăng rụng ôi dương liễu
Mưa cửa rơi ôi ngô đồng
Chim bay lạc gió
Sương giăng mịt mù

Trùng rên lạnh vách
Chuông sớm điểm xa
Đế đêm đếm mưa rơi
Tàu tiêu cơn gió nổi
Gió xé song thưa luồn rét muối
Trăng động rèm hoa bóng lung lay
Trăng soi hoa sáng lên sắc trắng
Hoa mượn trăng tươi khoe vẻ hồng
Trăng hoa hoa trăng kia bóng lồng bóng
Trước hoa dưới nguyệt kia buồn lại buồn.

Rã rời

Ngàn lần nào vạn sự rầu
Biếng nữ công thẹn thùng chẳng dệt gấm uyên ương
Trể phụ xảo ngại ngừng sao thêu khăn hồ điệp
Dung nhan biếng lười tô điểm phấn
Nói năng hồ hững tựa song thưa
Song thưa, song thưa lại song thưa
Chàng xa xôi thôi đẹp vì ai
Đẹp vì ai thôi uổng má hồng
Chàng xa xôi ôi cách ngàn trùng
Há như nàng Chúc lạnh lẽo khóc bến sông Ngân
Há như Hằng Nga tiều tụy lặng nơi cung Quảng
Sầu chất chồng thành gối
Buồn nung nấu làm cơm
Mượn rượu tan sầu mà rượu nhạt sầu thêm nặng
Mượn hoa khuây muộn mà hoa héo muộn chẳng vui
Sầu muộn lỡ lắm càng sầu muộn

Muộn sâu tuôn chảy thác cứu tuyền
Gỗ sênh ngọc ôi không thành tiếng
So dây bạc ôi chẳng nở đàn
Mơ chốn xa kia đường gian nan
Nhớ chinh phu kia túi trữ vai
Quốc kêu lạc tiếng lệ chứa chan
Trống tiêu nện nhịp đứt buồn gan
Má hồng phai nhạt dung nhan héo
Bất chợt xót xa phận nhớ chồng

Mộng

Ném chua chát ôi thêm cay đắng
Chua cay này há bởi chàng ư
Vì chàng ôi hàng lệ thiếp rơi
Vì chàng ôi thân thiếp lẻ loi
Thân thiếp chẳng theo chàng dưới trướng
Lệ thiếp khăn chàng chẳng giọt vương
Chỉ hồn mộng nào ngại ngần
Tìm chàng đêm đêm vượt Giang Tân
Tìm chàng này chốn Dương Đài
Gặp chàng này bến sông Tương
Mơ được cùng chàng vui hội ngộ
Nào phải gởi đơn mộng ngày xuân
Thiếp hận thân này không là mộng
Lũng Thủy, Hàm Quan được bên chàng
Mộng đi bằng hoàng đêm sức tỉnh
Mộng về ngỡ ngỡ lẽ già chân
Chỉ nổi lòng nhung nhớ khôn nguôi

Nguyện theo chàng khắc khắc chẳng rời
Lòng chẳng rời nhưng nào thấy mặt
Lên lầu cao ngóng bóng xe qua
Ngóng chàng mà chẳng gặp
Bãi sông bèo dạt trôi
Cỏ hoang xanh chân mây
Ruộng dâu tiếp màu trời
Cõi nam mờ bụi màu chinh chiến
Vắng nhật xuống đồng bóng cô đơn
Ngóng chàng nào thấy mặt
Đường xa xiêu mái đình
Núi Thục xanh chất ngất
Ngô đồng khuất tầng mây
Đất bắc ruộng đồng hoang lạnh quá
Lâm thâm mưa phủ sáo hắt hiu
Ngóng chàng mà chẳng gặp
Non sâu lá rụng đầy
Trĩ hoang kêu khắc khoải
Uốn điệu buồn dưới mai
Mé đông khói sương sâu phảng phất
Gió thu lay nhẹ tiếng chim buồn
Ngóng chàng mà chẳng gặp
Dòng nước lượn vòng quanh
Tầng không vết nhạn bay
Thuyền xa đà cập bến
Góc tây rừng tùng nổi bãi lau
Người đi thêm cách ngọn cù lao
Trông mòn trời đất chẳng thấy đâu

Lầu cao lên xuống nhọc lòng rầu
Khối mây khuấy nẻo hồn nhung nhớ
Hỏi côi Ngọc quan người nơi nao.

Giận

Hận chẳng rút đất ngấn tày gang
Hận chẳng gieo khăn hóa nhịp cầu
Lòng này đà hóa đá
Lên lầu mà lệ khô
Quay đầu lặng ngắm màu dương liễu
Thà chàng đừng mê mãi phong hầu
Nào ngờ chia biệt ngàn dặm vắng
Lòng chàng há với thiếp cùng đau
Lòng chàng ví được đồng tâm thiếp,
Thiếp còn oán hận được chi đâu
Tâm thiếp tựa hoa vọng vầng dương
Chi e lòng chàng là vệt nắng
Vệt nắng chợt lóe không quay lại
Hoa bởi nắng đi sắc hoe vàng
Hoa vàng hé cười vì ai nhỉ
Vệt nắng chẳng thêm chút đoái thương
Hoa vàng túi phận tàn đời nắng
Hoa vàng úa kìa rũ bên tường

Thiên tượng

Hoa rụng đến nay mấy mùa sương
Sân lan ôi biếng dọn
Bèo nước ôi len hương

Vén áo bước tiền đường
Ngước mắt trông thiên tượng
Bóng mây thời phảng phất
Bắc Đẩu chợt xé ngang
Sông Ngân trôi mờ tỏ
Sao Sâm chuyển hiện tàng
Trăng soi kìa giường trống
Gió nổi kia vách xiêu
Tháng năm tàn dáng ngọc
Chàng cứ mãi tha phương
Xưa ta như hình bóng
Nay cách trở Sâm Thương
Mây biên ải phủ mờ bóng ngựa
Gót hiên nhà kín vết rêu phong
Hiên nhà gió xuân đà lặng ngắt
Càng thương nhớ nhàn sắc xuân thì
Đẹp thay lúc mẫu đơn vàng tía nghinh gió đông
Đẹp thay thuở bên cầu Ngưu Chức ngắm trăng sáng
Hôm qua thiếu nữ chưa cài trâm
Năm nay chàng rẽ đã động phòng
Chỉ thương trăng rọi căn phòng trống
Đằng đẳng ngóng trông ngày sáng tươi
Ngày tươi sáng ôi chợt đi mau
Cõi người xuân sắc cũng qua nhanh
Hướng chi sầu xuân chưa tan buồn thu đà đến
Hướng chi hội ngộ còn vương ly biệt nhuộm sầu
Biệt ly thu đến lòng vò xé
Xanh xanh dáng liễu gắt gỏi chi

Ai kẻ xót lệ sầu bi
Chi e chẳng ai xót tóc Văn Quân điểm bạc
Chi lo chẳng ai oán về Phan lang mờ phai
Tiếc nuối nào để chi
Nhan sắc còn tươi màu hé nụ
Oán than nào để chi
Bóng nắng buông rơi chẳng quay về
Trách phận mỏng uổng tháng năm
Rối bời tơ tóc điểm màu sương
Lại nhớ gác hương mơ gặp gỡ
Vương vất lầu hoa dải lụa thơm
Hận trời chẳng thuận lòng người
Gặp ghềnh thế sự thay phó mặc
Gặp ghềnh gặp ghềnh biết sao đang
Xót thiếp thay ôi xót chàng thay!

Ước nguyện

Chàng chẳng thấy đồng hoang cặp uyên ương
Luyến lưu sao nữ phân hai đường
Lại chẳng thấy bên sông đôi én liệng
Bạc đầu quyến luyến nào chia xa
Ấy chim chóc vô tình
Nâng cánh diu nhau một kiếp trôi
Ấy sâu bọ vô tri
Tuổi già ập đến chẳng chia lìa
Liều mềm bên dậu vấn vương dây
Sen thanh đầm biếc quán quít cành
Sóc thỏ đến ngựa lừa

Tâm gửi đến nắm la
Đều suốt kiếp chẳng rời xa
Xót thương thay giống hữu tình
Ước sao trên trời làm chim kết cánh
Dưới đất làm cây liền cành
Thà chết mà hội ngộ
Hơn sống cảnh phân ly
Dẫu chết vui gặp gỡ
Sao bằng được gần nhau
Ước sao chàng mãi chẳng già
Thiếp còn xuân sắc
Nguyện làm bóng ôi luôn kề cận
Chàng lên đường ôi thiếp theo chân
Ước cùng chàng thỏa nguyện phong hầu
Lòng báo quốc quyết mãi sắt son
Nguyện cùng chàng bảo vệ nước non
Đôi tim nuốt trọn đầu Nhục Chi
Khát tìm uống cạn máu Thiển Vu

Nguyện thanh bình

Vòng đao kiếm nào mong tìm sống
Trời xanh sẵn ý giúp anh hùng
Giúp anh hùng trăm trận thắng
Tứ mã ruổi dài Quan Đông lặng
Quan Đông Quan Bắc tên thôi bay
Đầu non cuối núi cung treo đầy
Trắng ải xa khuất cờ chiến thắng
Gió biên thùy tạt bóng khai hoàn

Đề danh kia đá Yên Nhiên
Dâng công kia cung Vị Ương
Cung Vị Ương kia thuận thiên triều
Mượn sông Ngân kia rửa đao cung
Buông kiếm vang ca khúc thái bình
Nhạc phủ ca truyền tới muôn dân
Gác Lăng Yên Thúc Bảo họ Tần
Đài Kì Lân Phiêu Diêu họ Hoắc
Trời đất rộng dài ghi công trạng
Vợ con vui vầy tước lộc ban
Dầu sầu thôi cũng qua
Thỏa nguyện kia đang tới
Thiếp nào như nàng Tô si ngốc
Chàng há phải Tô Tần lao đao
Ngày về rạng rỡ hoàng kim ấn
Thấu rõ thời gian nào quay lại
Xin vì chàng ôi cõi chiến bào
Xin vì chàng ôi nâng chén đào
Vì chàng chải tóc vấn hình mây
Vì chàng điểm trang màu bạch ngọc
Ôm chàng trông ôi dòng lệ cũ
Kể chàng nghe ôi điệu tình xưa
Điệu tình xưa ôi nay đã đổi
Lời mới chuyện xưa này cùng nâng chén
Rót rượu ta thông dong
Ca tràn ta liên miên
Rót lại rót này rượu bỏ đào
Ca lại ca này thiên xích thố

Nguyện say muôn chén này cùng hát ca
Cùng chàng nguyên vẹn này mối duyên xưa
Nguyện ước kết đôi đến bạc đầu
Hoán đổi công danh bù xa cách
Yêu thương đùm bọc lúc thanh bình
Năm tháng thanh bình gác lại giáo gươm
Nào đâu còn thấy lệ ướt đầm
Vừa gặp gỡ đã nhen lời biệt
Thương thay trượng phu phải đảm đương.

Bản Hán Việt:

Thiên địa phong trần
Hong nhan đa truân
Du du bi thương hể thủy tạo nhân
Cổ bể thanh động Trường Thành nguyệt
Phong hoả ảnh chiếu Cam Tuyền vân
Cửu trùng án kiếm khởi đương tịch
Bán dạ phi hịch truyền tướng quân
Thanh bình tam bách niên thiên hạ
Tùng thử nhung y thuộc vũ thần
Sứ tinh thiên môn thôi hiếu phát
Hành nhân trọng pháp khinh ly biệt
Cung tiễn hể tại yêu
Thê noa hể biệt khuyết
Liệp liệt tinh kỳ hể xuất tái sấu
Huyền huyền tiêu cổ hể từ gia oán
Hữu oán hể phân huê
Hữu sấu hể kế khoát

Lương nhân nhị thập Ngô môn hào
Đầu bút nghiên hể sự cung đao
Trực bả liên thành hiển minh thánh
Nguyễn tương xích kiếm trảm thiên kiêu
Trượng phu thiên lý chí mã cách
Thái Sơn nhất trịch khinh hồng mao
Tiện từ khuê khốn từng chinh chiến
Tây phong minh tiên xuất Vị kiều
Vị kiều đầu thanh thủy câu
Thanh thủy biên thanh thảo đồ
Tống quân xứ hể tâm du du
Quân đảng đồ hể thiếp hận bất như câu
Quân lâm lưu hể thiếp hận bất như chu
Thanh thanh hữu lưu thủy
Bất tẩy thiếp tâm sầu
Thanh thanh hữu phương thảo
bất vong thiếp tâm ưu
Ngũ phục ngũ hể chấp quân thù
Bộ nhất bộ hể khiên quân nhu
Thiếp tâm tùy quân tự minh nguyệt
Quân tâm vạn lý Thiên Sơn tiền
Trịch ly bôi hể vũ Long Tuyền
Hoành chinh sáo hể chỉ hồ huyết
Vân tùy Giới Tử liệt Lâu Lan
Tiểu hướng Man Khê đàm Mã Viện
Quân xuyên trang phục hồng như hà
Quân kỵ kiều mã bạch như tuyết
Kiêu mã hể loan linh

Chinh cổ hể nhân hành
Tu du trung hể đối diện
Khoảnh khắc lý hể phân trình
Phân trình hể hà lương
Bồi hồi hể lộ bàng
Lộ bàng nhất vọng hể bái ương ương
Tiền xa hể Bắc Tể Liễu,
Hậu kỳ hể Tây Trường Dương
Kỳ xa tương ứng quân lâm tái
Dương liễu na tri thiếp đoạn trường
Khứ khứ lạc mai thanh tiệm viễn
Hành hành chinh bái sắc hà mang
Vọng vân khứ hể lang biệt thiếp
Vọng sơn quy hể thiếp tư lang.
Lang khứ trình hể mông vũ ngoại
Thiếp quy xứ hể tạc dạ phòng
Quy khứ lương hồi cố
Vân thanh hể sơn thương
Lang cố thiếp hể Hàm Dương
Thiếp cố lang hể Tiêu Tương
Tiêu Tương yên trở Hàm Dương thụ
Hàm Dương thụ cách Tiêu Tương giang
Tương cố bất tương kiến
Thanh thanh mạch thượng tang
Mạch thượng tang mạch thượng tang
Thiếp ý quân tâm thủy đoàn trường
Tự tông biệt hậu phong sa lũng
Minh nguyệt tri quân hà xứ túc

Cổ lai chinh chiến trường
Vạn lý vô nhân ốc
Phong ngao ngao hê đà đặc nhân nhan tiêu
Thủy thâm thâm hê khiếp đặc mã đề súc
Thú phu chấm cổ ngọa Long sa
Chiến sĩ bão yên miên hồ lục
Kim triều Hán há Bạch Đằng thành
Minh nhật Hồ khuy Thanh Hải khúc
Thanh Hải khúc thanh sơn cao phục đề
Thanh sơn tiền thanh Khê đoạn phục tục
Thanh sơn thượng tuyết mộng đầu
Thanh Khê hạ thủy một phúc
Khả liên đa thiếu thiết y nhân
Tư quy đương thử sầu nhân xúc
Cầm trưởng quân vương tri dã vô
Gián nan thủy vị họa chinh phu
Liệu tướng lương nhân kinh lịch xứ
Tiêu Quan giác hân hải ngưng.
Sương thôn vũ điểm
Hồ lạc xà khu
Phong xan lộ túc
Tuyết hình băng tu
Đằng cao vọng vân sắc
An phục bất sinh sầu
Tự tòng biệt hậu đông nam kiếu
Đông nam tri quân chiến hà đạo
Cổ lai chinh chiến nhân
Tính mệnh khinh như thảo

Phong nhận hạ ôn ôn hiệp khoáng chủ ân thâm
Thời khắc trung lịch lịch hoành qua tráng sĩ yếu
Kỳ sơn cự trùng nguyệt mang mang
Phì thủy tân phần phong niều niều
Phong niều niều không xuy tử sĩ hồn
Nguyệt mang mang tăng chiếu chinh phu mạo
Chinh phu mạo hể thủy đan thanh
Tử sĩ hồn hể thủy ai điều
Khả liên tranh đấu cự giang sơn
Hành nhân quá thử tình đa thiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hoàn
Ban Siêu quy thời mấn dĩ ban
Liệu tướng lương nhân trì sinh ngoại
Tam xích kiếm nhất nhung yên
Thu phong sa thảo
Minh nguyệt quan sơn
Mã đầu minh đích
Thành thượng duyên can
Công danh bách mang lý
Lao khổ vị ưng nhàn
Lao dữ nhàn thủy dữ ngôn
Quân tại thiên nhai, thiếp ý môn
Ý môn cố thiếp kim sinh phận
Thiên nhai khởi quân bình sinh hồn
Tự tín tương tùy ngư thủy bạn
Na kham tương cách thủy vân thôn
Thiếp thân bất tướng vi chinh phụ
Quân thân khởi học vi vương tôn

Hà sự giang Nam dữ giang Bắc
Linh nhân sấu hiểu cánh sấu hôn
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên khách
Nhất cá thị thâm khuê thiếu niên hôn
Khả kham lưỡng niên thiếu
Thiên lý các hàn huyền
Ức tích dữ quân tương biệt thời
Liễu điều do vị chuyển hoàng ly
Vấn quân hà nhật quy
Quân ước đồ quyền đề
Đồ quyền di trục hoàng ly lão
Thanh Liễu lâu tiền ngữ ý nhi
Ức tích dữ quân tương biệt trung
Tuyết mai do vị thức Đông phong,
Vấn quân hà nhật quy
Quân chi đào hoa hồng
Đào hoa di bạn Đông phong khứ
Lão mai giang thượng hựu phù dung
Dữ ngã ước hà sở
Nãi ước Lũng Tây sâm
Nhật trung hề bất lai
Trục điệp đầu ngã trâm
Trữ lập không thể khắp
Hoang thôn huyền ngọc cầm
Dữ ngã ước hà sở
Nãi ước Hán Dương kiều
Nhật vân hề bất lai
Cốc phong xuy ngã bào

Trữ lập không thể khắp
Hàn giang khởi mộ trào
Tích niên ký tín khuyến quân hồi
Kim niên ký tín khuyến quân lai
Tín lai nhân vị lai
Dương hoa linh lạc uỷ thương đài
Thương đài thương đài hựu thương đài
Nhất bộ nhân đình bách cảm thời
Tích niên hồi thư đính thiếp kỳ
Kim niên hồi thư đính thiếp quy
Thư quy nhân vị quy
Sa song tịch mịch chuyển tà huy
Tà huy tà huy hựu tà huy
Thập ước giai kỳ cứu độ vi
Thí tương khứ nhật tùng đầu sở
Bất giác hà tiền dĩ tam chú
Tối khổ thị liên niên tử tái nhân
Tối khổ thị thiên lý hoàng hoa thú
Hoàng hoa thú thủy vô đường thượng thân
Tử tái nhân thủy vô khuê trung phụ
Hữu thân an khả tạm tương ly
Hữu phụ an năng cứu tương phụ
Quân hữu lão thân mẫn như sương
Quân hữu nhi lang niên thả nhụ
Lão thân hề ý môn
Nhi lang hề đãi bộ
Cung thân xan hề thiếp vi nam
Khoá tử thư hề thiếp vi phụ

Cung thân khoá tử thử nhất thân
Thương thiếp tư quân kim kỷ độ
Tư quân tạc nhật hề dĩ quá
Tư quân kim niên hề hựu mộ
Quân yêm lưu nhị niên tam niên cánh tứ niên
Thiếp tình hoài bách lữ thiên lữ hoàn vạn lữ
An đắc tại quân biên
Tổ thiếp trung trường khổ
Thiếp hữu Hán cung thoa
Tằng thị giá thời tương tống lai
Bằng thủy ký quân tử
Biểu thiếp tương tư hoài
Thiếp hữu Tần lâu kính
Tằng dữ lang sơ tương đối ảnh
Bằng thủy ký quân tử
Chiếu thiếp kim cô lánh
Thiếp hữu câu chỉ ngân
Thủ trung thời tương thân
Bằng thủy ký quân tử
Vi vật ngụ ân cần
Thiếp hữu tảo đầu ngọc
Anh nhi niên sở lộng
Bằng thủy ký quân tử
Tha hương hạnh trần trọng
Tích niên âm tín hữu lai thời
Kim niên âm hy tín diệc hy
Kiến nhận uống nhiên tư tái bạch
Văn sương mạn tự chế miên y

Tây phong dục ký vô hồng tiện
Thiên ngoại liên y tuyết vũ thủy
Tuyết hàn y hể hỏ trưởng
Vũ lãnh y hể lang vi
Hàn lãnh ban ban khổ
Thiên ngoại khả liên y
Cầm tự để thi phong cánh triển
Kim tiền vấn bốc tín hoàn nghi
Kỷ độ hoàng hôn thời trùng hiên nhân độc lập
Kỷ hồi minh nguyệt dạ đơn chằm mẩn tà khi
Bất quan trầm dữ hàm hôn hôn nhân tự túy
Bất quan ngu dữ nọa mộng mộng ý như si
Trâm tà uỷ đoà bỗng vô nại
Quần thối nhu yêu sấu bất chi
Trú trầm trầm ngo viện hành như truy
Tịch tiêu tiêu tương liêm quyền hựu thủy
Liêm ngoại khuy nhật xuất chi đầu vô thước báo
Liêm trung tọa dạ lai tâm sự chỉ đăng tri
Đăng tri nhược vô tri
Thiếp bi chỉ tự bi
Bi hựu bi hể cánh vô ngôn
Đăng hoa nhân ảnh tổng kham liên
Y ốc kê thanh thông ngũ dạ
Phi phát hoè âm độ bát chuyên
Sầu tự hải
Khắc như niên
Cưỡng nhiên hương hoa hôn tiêu đàn chú hạ
Cưỡng lâm kính ngọc cân truy lãng hoa tiền

Cưỡng viện cầm chi hạ kinh đình loan phượng trụ
Cưỡng điều sắt khúc trung bì yết uyên ương huyền
Thủ ý xuân phong nhược khảng truyền
Thiên kim tá lực ký Yên Nhiên
Yên Nhiên vị năng truyền
Ức quân thiếu thiếu hể lộ như thiên
Thiên viễn vị dị thông
Ức quân du du hể tứ hà cùng
Hoài nhân xứ thương tâm hung
Thụ điệp thanh sương lý
Cùng thanh tế vũ trung
Sương phủ tàn hể dương liễu
Vũ cú tổn hể ngô đồng
Điều phản cao thung
Lộ há đề từng
Hàn viên hậu trùng
Viễn tự hiểu chung
Tất suất sở thanh vũ
Ba tiêu nhất viện phong
Phong liệt chi song xuyên trường khích
Nguyệt di hoa ảnh thương liêm lung
Hoa tiền nguyệt chiếu nguyệt tự bạch
Nguyệt hạ hoa khai hoa tự hồng
Nguyệt hoa hoa nguyệt hể ảnh trùng trùng
Hoa tiền nguyệt hạ hể tâm xung xung.
Thiên ban lân vạn sự dung
Dung nữ công cầm trục si phao uyên đối ngẫu
Dung phụ xảo kim châm tu thích điệp thư hùng

Dung trang đối hiếu không thi phần
Dung ngữ chung triều muộn ý song
Ý song ý song phục ý song
Lang quân khứ hể thủy vi dung
Thủy vi dung hể không bàn hoàn
Lang quân khứ hể cách trùng quan
Hà thí Thiên đế tôn lãnh lạc khắp Ngân Chử
Hà thí Hằng Nga phụ thê lương tọa Quảng Hàn
Tạ sâu hể vi chấm
Chử muộn hể vi xan
Dục tương tửu chế sâu sâu trọng tửu vô lực
Dục tương hoa giải muộn muộn áp hoa vô nhan
Sâu muộn tổng vi sâu muộn ngộ
Muộn sâu hóa tác cửu tuyển than
Thí quỳnh sanh hể bất thành hưởng
Bão ngân tranh hể bất nhẫn đàn
Tư viễn tái hể hành lộ nan
Niệm chinh phu hể nang tác đơn
Quyên thanh để lạc quan tình lệ
Tiêu cổ xao tàn đái bại can
Bất thăng tiêu tụy hình hài nhuyển
Thủy giác khuê ly tư vị toan
Tư vị toan hể toan cánh tân
Toan tân đoan đích vị lương nhân
Vị lương nhân hể song thiếp lệ
Vị lương nhân hể chích thiếp thân
Thiếp thân bất đáo quân chinh trưởng
Thiếp lệ bất đáo quân chinh cân

Duy hữu mộng hồn vô bất đáo
Tầm quân dạ dạ đáo giang tân
Tầm quân hể Dương Đài lộ
Hội quân hể Tương thủy tân
Ký đắc kỳ phiên hoan hội xứ
Vô phi nhất chấm mộng trung xuân.
Thủ thân phản hận bất như mộng
Lũng Thủy, Hàm Quan dữ tử thân
Mộng khứ mỗi tăng kinh cánh đoạn
Mộng hồi hựu lự huyển phi chân
Duy hữu thốn tâm chân bất đoạn
Vị thường khoảnh khắc thiếu ly quân
Tâm bất ly quân vị kiến quân,
Bằng cao kỳ độ vọng chinh luân
Vọng quân hà sở kiến
Giang châu mãn bạch tần
Yên thảo phi thanh lữ
Tân tang nhiễm lục vân
Nam lai tỉnh áp bán binh trần
Lạc nhật bình sa lộ nhất quân
Vọng quân hà sở kiến
Quan lộ đoản trường đình
Vân gian Ngô thọ ám
Thiên tế Thục sơn thanh
Bắc lai hoà thử bán hoang thành
Vi vũ giang lâu địch nhất thanh
Vọng quân hà sở kiến
Không sơn điệp tổ đôi

Tự phi thanh dã trī
Tự vũ cách giang mai
Đông khứ yên lam thâm bất khai
Tây phong phiêu bạc điệu thanh ai
Vọng quân hà sở kiến
Hà thủy khúc như câu
Trường không số điểm nhận,
Viễn phố nhất quy châu
Tây khứ từng thu tiếp đoạn vu
Hành nhân vi một cách thương châu
Vọng tận thiên đầu hữu địa đầu
Kỷ nhật đẳng lâu cánh há lâu
Đống vân trở tận tương tư nhân
Hà xứ Ngọc quan chinh chiến tư.
Hận vô trường phòng súc địa thuật
Hận vô tiên tử trịch cân phù
Hữu tâm thành hóa thạch
Vô lệ khả đẳng lâu
Hồi thủ trường đề dương liễu sắc
Hối giao phu tế mịch phong hầu.
Bất thức ly gia thiên lý ngoại
Quân tâm hữu tự thiếp tâm phẫu
Quân tâm thảng dữ thiếp tâm tự
Thiếp diệc ư quân hà oán vưu
Thiếp tâm như hoa thường hướng dương
Chi phạ quân tâm như lưu quang
Lưu quang nhất khứ bất phục chiếu
Hoa vị lưu quang hoàng hữu hoàng

Hoa hoàng cánh hướng thủy biên tiếu
Lưu quang bất khảng nhất hồi chiếu
Hoàng hoa khước vi lưu quang lão
Hoàng hoa lão hê lạc măn tường.
Hoa lạc như kim kinh kỷ sương
Đình lan hê dĩ trích
Giang tảo hê hựu phương
Nhiếp y bộ tiền đường
Ngưỡng mục quan thiên chương
Tiêm vân thời phảng phát
Bắc đầu hốt đề ngang
Hà thủy phiên minh diệt
Sâm triển sạ hiện tàng
Nguyệt chiếu hê ngã sàng
Phong xuy hê ngã tường
Ngọc nhan tùy niên tước
Trượng phu do tha phương
Tích vi hình dữ ảnh
Kim vi Sâm dữ Thương
Quân biên vân ủng thanh ty ky
Thiếp xứ đài sinh Hưởng điệp lang
Lang nội xuân phong nhật tương yết
Khả liên ngộ tận lương thời tiết
Lương thời tiết Diêu hoàng Ngụy tử giá Đông phong
Lương thời tiết Chúc nữ Ngưu lang hội minh nguyệt
Tạc nhật vị kê Tây gia nường
Kim niên dĩ quy Đông lân thiên
Khả linh thổ thủ nhất không phòng

Niên niên ngộ tận lương thời tiết
Lương thời tiết hết như thoa
Nhân thế thanh xuân dung dị qua
Hướng phục thị xuân muộn vị tiêu thu hận tục
Hướng phục thị hợp hoan cánh thiếu biệt sâu đà
Biệt sâu thu hận lưỡng tương ma
Bỏ liễu thanh thanh năng kỷ hà
Không thán tích lệ tư ta
Chỉ phạ bạch đảo Văn Quân đầu không thán tích
Chỉ khùng hoa đảo Phan lang mấn lãng tư ta
Thán tích hà dĩ vi
Nhan sắc do hồng như nộn hoa
Tư ta hà dĩ vi
Quang âm nhất trịch vô hồi qua
Tư mệnh bạc tích niên hoa
Phân phân thiếu phụ kỷ thành bà
Hương các trùng hoài bồi tiểu kiếm
Hoa lâu thượng ký giải hương la
Hận thiên bất dữ nhân phương tiện
Để sự đảo kim thành khảm kha
Khảm kha khảm kha tri nại hà
Vị thiếp ta hề vị quân ta
Quân bất kiến dã ngoại song uyên ương
Cam tâm bất nhẫn lưỡng phân trương
Hựu bất kiến lương giang song yển yển
Bạch thủ hà tàng vong quyến luyến
Kiếm kiếm dã vô tình
Tỷ dục tương tùy quá nhất sinh

Cùng cùng dã vô tri
Tịnh khu đảo lão bất tương vi
Lộ liễu tàng truyền liên lý xứ
Tri liên diệc hữu tịnh đầu thời
Phụ quyết hể cự hư
Bão la hể thổ ty
Hà nhân sinh chi tương vi
Ta vật loại chi như tư
An đắc tại thiên vi tỷ dục điều
Tại địa vi liên lý chi
Ninh cam tử tương kiến
Bất nhân sinh tương ly
Tuy nhiên tử tương kiến
Hạt nhược sinh tương tuy
An đắc quân vô đảo lão nhật
Thiếp thường thiếu niên
Nguyện vi ảnh hể tùy quân biên
Quân hữu hành hể ảnh bất viễn
Quân y quang hể thiếp như nguyện
Nguyện quân hứa quốc tâm như đan
Nguyện quân tí dân thân như thiết
Cơ lai thôn hạ Nhục Chi đầu
Khát lai ẩm hạ Thiển Vu huyết.
Hà hạnh Kỳ môn phong nhữ trung
Lão thiên trước ý hộ anh hùng
Hộ anh hùng bách chiến công
Trường khu tứ mã tịnh quan Đông
Quan Đông Quan Bắc hưu truyền tiền,

Sơn vĩ sơn đầu tảo quái cung
Tiệp sắc tinh kỳ từ tái nguyệt
Khải ca tướng sĩ bối biên phong
Lạc thi hể Yên Nhiên thạch
Hiển quốc hể Vị Ương cung
Vị Ương cung hể hướng thiên triều
Vân Ngân hà hể tẩy đao cung
Từ nhân san hạ Bình Hoài Tụng
Nhạc phủ ca truyền nhập Hán dao
Lăng Yên các hể Tần Thúc Bửu
Kỳ Lân đài hể Hoắc Phiêu Diêu
Thiên trường địa cửu mao thư khoán
Từ ẩm thê phong tước lộc tiêu
Hữu sâu hể thử nhật
Đắc ý hể lai thời
Thiếp phi Tô gia si tâm phụ
Quân diệp Lạc dương hảo nam nhi
Quy lai thắng bội hoàng kim ấn
Khảng học đương niên bất há ky
Nguyên vi quân hể giải chinh y
Nguyên vi quân hể bổng hà chi
Vi quân sơ trất vân hoàn kế
Vi quân trang điểm ngọc yên chi
Thủ quân khan hể cự lệ phạ
Tổ quân thánh hể cự tình từ
Cự tình từ hể hoán tân liên
Ngũ tân thoại cự hể từu bôi tiền
Thiến châm hể mạn mạn

Đê xướng hể liên liên
Châm bất châm hể Bỏ thành nhượng
Xướng bất xướng hể Tử lưu thiên
Nguyên châm cửu uẩn hể xướng song liên
Dữ quân chinh đồn hể cự nhân duyên
Giao kinh thành song đảo lão thiên
Thường liễu công danh ly biệt trái
Tương liên tương thủ thái bình niên
Thái bình niên nguyên quân chi qua trí
Nhược nhiên thử biệt thiệp hà lệ
Tương hội chi kỳ tương ký ngôn
Ta hồ trượng phu đương như thị.

Hà Thủy Nguyên

NỘI DUNG

Giới thiệu <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> - Đào Đăng Vỹ	5
Bản Hán văn	31
Bản diễn Nôm	73
Bản dịch mới <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> của Đặng Trần Côn - Hà Thủy Nguyên	93

